**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP LỊCH SỬ 12 HỌC KỲ II**

**NĂM HỌC 2020-2021**

**BÀI 21: XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC, ĐẤU TRANH** **CHỐNG MĨ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN Ở MIỀN NAM ( 1954-1965)**

**Câu 1:** Đặc điểm về chính trị nổi bật của Việt Nam sau Hiệp định Giơnevơ năm1954 là

A. Đất nước bị chia cắt thành hai miền Nam – Bắc.

B. Miền Bắc hoàn toàn giải phóng.

C. Miền Nam chịu sự chiếm đóng của Mĩ – Diệm.

D. Miền Nam thực dân Anh dọn đường cho Pháp trở lại xâm lược.

**Câu 2**: Sau năm 1954, Mĩ chống phá Hiệp định Giơnevơ năm 1954 bằng việc

A. không chịu ký và không thừa nhận Hiệp định Giơnevơ.

B. xây dựng chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm ở miền Nam Việt Nam.

C. bắt tay với các nước lớn trong phe xã hội chủ nghĩa.

D. kí với Bảo Đại các Hiệp ước Hợp tác kinh tế, văn hóa.

**Câu 3:** Từ năm 1954 đến năm 1965, nhiệm vụ trọng tâm của miền Bắc nước ta là

A. xây dựng chủ nghĩa xã hội. B. cải cách ruộng đất.

C. hàn gắn vết thương chiến tranh. D. làm hậu phương cho miền Nam.

**Câu 4**: Tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam (9-1960) xác định cách mạng miền Bắc đóng vai trò như thế nào trong sự nghiệp chống Mĩ, chính quyền Sài Gòn và thống nhất đất nước?

A. Hậu phương. B. Quyết định trực tiếp.

C. Quyết định nhất. D. Hỗ trợ cho miền Nam.

**Câu 5:** Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam (9-1960) của xác định cách mạng miền Nam đóng vai trò như thế nào trong sự nghiệp chống Mĩ,chính quyền Sài Gòn và thống nhất đất nước?

A. Hậu phương. B. Quyết định trực tiếp.

C. Quyết định nhất. D. Hỗ trợ cho miền Nam.

**Câu 7:** Từ sau năm 1954-1975, âm mưu của Mĩ ở miền Nam Việt Nam là gì?

A. Xây dựng chính quyền tay sai thân Mĩ. B. Thực hiện Chiến lược toàn cầu.

C. Biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới. D. Chia cắt Việt Nam thành hai miền.

**Câu 8:** Nhiệm vụ trọng tâm của nhân dân miền Nam Việt Nam từ 1954-1975 là

A. tiếp tục thực hiện cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

B. tiếp tục cách mạng xã hội chủ nghĩa.

C. thực hiện Hiệp định Giơnevơ.

D. thực hiện cải cách kinh tế phát triển văn hóa xã hội.

**Câu 9:** Hình thức đấu tranh chống chế độ Mĩ - Diệm của nhân dân miền Nam trong những ngày đầu sau Hiệp định Giơnevơ 1954, chủ yếu là gì?

A. Đấu tranh vũ trang. B. Đấu tranh chính trị, hòa bình,

C. Khởi nghĩa giành chính quyền. D. Dùng bạo lực cách mạng.

**Câu 14:** Các chiến thuật mới như “trực thăng vận”, “thiết xa vận” được Mĩ áp dụng trong Chiến lược chiến tranh nào ở Việt Nam?

A. “Chiến tranh đặc biệt”. B. “Chiến tranh cục bộ”.

C. “Việt Nam hóa chiến tranh”. D. “Chiến tranh đơn phương”.

**Câu 15**: Trong những năm 1957 -1959, cách mạng miền Nam gặp muôn vàn khó khăn bởi

A. bộ đội chủ lực tập kết ra Bắc theo Hiệp định Giơnevơ.

B. Mỹ - Diệm vi phạm trắng trợn Hiệp định Giơnevơ, chống phá nhiều nơi.

C. ta không lường hết âm mưu của kẻ thù, quá chú trọng đấu tranh hòa bình.

D. Ngô Đình Diệm ban hành chính sách đàn áp khủng bố những người yêu nước.

**Câu 16:** Hội nghị nào đã quyết định để nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng đánh đổ chính quyền Mĩ – Diệm?

A. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 6 tháng 11/1939.

B. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 8 tháng 5/1941.

C. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 15 tháng 1/1959.

D. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 21 tháng 7/1973.

**Câu 17:** Nghị quyết Trung ương 15 xác định phương hướng cơ bản của cách mạng miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng con đường đấu tranh chính trị là chủ yếu, kết hợp với

A. đấu tranh ngoại giao. B. đấu tranh hòa bình.

C. tổng khởi nghĩa. D. đấu tranh vũ trang.

**Câu 18**: Trong thời kỳ 1954-1975, thắng lợi nào là mốc đánh dấu bước chuyển của cách mạng miền Nam Việt Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công?

A. Vạn Tường (1965). B. “Đồng Khởi” (1959-1960).

C. Tây Nguyên (3-1975). D. Mậu Thân (1968).

**Câu 19:** Ý nghĩa quan trọng nhất của phong trào Đồng Khởi (1959-1960) là gì?

A. Giáng đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mĩ.

B. Làm lung lay tận gốc chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm.

C. Đưa nhân dân ta lên làm chủ ở nhiều thôn xã.

D. Đánh dấu bước phát triển của cách mạng miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

**Câu 20:** Đáp ứng yêu cầu phát triển của cách mạng miền Nam năm 1961 Đảng đã chủ trương thành lập

A. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

B. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

C. Trung ương Cục miền Nam, Quân giải phóng miền Nam.

D. Chính phủ lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

**Câu 22:** Đại hội lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam (9/1960) chủ trương tiến hành đồng thời

A. cách mạng XHCN ở miền Bắc và cách mạng DTDCND ở miền Nam.

B. cách mạng tư sản dân quyền ở miền Nam và cách mạng ruộng đất ở miền Bắc.

C. cách mạng DTDCND ở miền Bắc và cách mạng tư sản dân quyền ở miền Nam.

D. cách mạng ruộng đất ở miền Bắc và cách mạng DTDCND ở miền Nam.

**Câu 23**: Đại hội lần III của Đảng Lao động Việt Nam (9/1960) được Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định và đánh giá là

A. “Đại hội xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà”.

B. “Đại hội thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất ở miền Bắc”.

C. “Đại hội xây dựng miền Bắc thành hậu phương lớn đối với tiền tuyên lớn ở miền Nam”.

D. “Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng dân tộc ở miền Nam”.

**Câu 24**: Đối với cách mạng miền Nam, Hội nghi lần thứ 15 Ban chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (1-1959) chủ trương

A. sử dụng bạo lực cách mạng. B. đấu tranh đòi hiệp thương tổng tuyển cử.

C. đẩy mạnh chiến tranh du kích. D. kết hợp đấu tranh chính trị và ngoại giao.

**Câu 25:** Lực lượng tham chiến chủ yếu trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ thực hiện ở Việt Nam là

A. quân đội tay sai Sài Gòn. B. quần đội Mĩ và quân chư hầu.

C. quân đội Sài Gòn, quân đội Mĩ và quân chư hầu. D. biệt đội Sài Gòn.

**Câu 26:** Bình định miền Nam trong 18 tháng là mục tiêu của kế hoạch

A. Xtalây – Taylo B. Giôn xơn – Mác Namara.

C. dồn dân lập “ấp chiến lược”. D. tiến công vào “đất thánh Việt cộng”.

**Câu 27:** Biện pháp được Mĩ và chính quyền Sài Gòn xem như “xương sống” của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” là

A. tăng cường viện trợ quân sự cho Diệm. B. tăng nhanh lực lượng quân đội Sài Gòn.

C. tiến hành dồn dân lập “ấp chiến lược”. D. trang bị phương tiện chiến tranh hiện đại.

**Câu 28:** Âm mưu cơ bản của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” là

A. “dùng người Việt đánh người Việt”.

B. “dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương”.

C. dùng người Việt đánh người Đông Dương.

D. dùng người Đông Dương đánh người Việt.

**Câu 29:** Mĩ – Diệm xây dựng hệ thống “Ấp chiến lược” nhằm mục đích gì ?

A. Làm cho chiến tranh tàn lụi dần.

B.Tách dân khỏi cách mạng, nhằm cô lập lực lượng cách mạng.

C. Hỗ trợ chương trình “bình định” miền Nam của Mĩ – Diệm.

D. Kìm kẹp, kiểm soát dân, nắm chặt dân.

**Câu 30:** Chống lại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ và tay sai, quân dân miền Nam nổi dậy tiến công địch trên cả ba vùng chiến lược là

A. Quảng Trị, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ.

B. Quảng Trị, Sài Gòn, Đông Nam Bộ.

C. rừng núi, nông thôn và đồng bằng.

D. rừng núi, nông thôn đồng bằng và đô thị.

**Câu 31**: “Một tấc không đi, một li không rời” là quyết tâm của nhân dân miền Nam trong phong trào

A. Đồng Khởi.

B. phá “ấp chiến lược”.

C. chống “bình định, lấn chiếm”.

D. chống chiến dịch “ vết dầu loang, tràn ngập lãnh thổ”.

**Câu 32:** Chống lại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ và tay sai (1961-1965), quân dân miền Nam nổi dậy tiến công địch bằng cả ba mũi là

A. chính trị, quân sự, binh vận. B. chính trị, kinh tế, văn hóa.

C. chính trị, quân sự, kinh tế. D. chính trị, kinh tế, binh vận.

**Câu 33:** Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ ra đời sau thất bại ở

A. Đồng Khởi (1959-1960). B. “Chiến tranh cục bộ”.

C. Vạn Tường. D. Xuân Mậu thân 1968.

**Câu 34:** Chiến thắng quân sự nào mở đầu khẳng định quân dân miền Nam có khả năng đánh thắng chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ ?

A. Ấp Bắc (2/1/1963). B. Bình Giã (2/12/1964).

C. Đồng Xoài (6/1965). D. Vạn Tường (8/1965).

**Câu 35:** Chiến thắng quân sự nào khẳng định quân dân miền Nam trong đông xuân 1964-1965 góp phần làm phá sản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ?

A. Ấp Bắc (2/1/1963).B. Bình Giã (2/12/1964).

C. Đồng Xoài (6/1965). D. Vạn Tường (8/1965).

**Câu 36:** Lực lượng nòng cốt mà Mĩ sử dụng để thực hiện chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” ở miền Nam là

A. quân đội Sài Gòn do cố vấn Mĩ chỉ huy, dựa vào vũ khí trang thiết bị của Mĩ.

B. quân viễn chinh Mĩ do cố vấn Mĩ chỉ huy, dựa vào vũ khí trang thiết bị của Mĩ.

C. quân đội các nước đồng minh Mĩ, dựa vào vũ khí trang thiết bị của Mĩ.

D. liên quân Mĩ và đồng minh, dựa vào vũ khí trang thiết bị của Mĩ.

**Câu 37:** Nhân dân miền Nam Việt Nam sử dụng bạo lực cách mạng trong phong trào Đồng Khởi (1959-1960) vì

A. lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam đã phát triển.

B. không thể tiếp tục đấu tranh bằng con đường bạo lực.

C. cách mạng miền Nam đã chuyển hẳn sang thế tiến công.

D. mọi xung đột chỉ có thể giải quyết bằng vũ lực.

**Câu 38:** Phong trào Đồng Khởi (1959-1960) nổ ra trong hoàn cảnh cách mạng miền Nam Việt Nam đang

A. giữ vững và phát triển thế tiến công. B. gặp muôn vàn khó khăn và tổn thất.

C. chuyển sang đấu tranh chính trị. D. chuyển hẳn sang tiến công chiến lược.

**Câu 40:** Trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” ở miền Nam, Mĩ và chính quyền Sài Gòn không thực hiện biện pháp nào dưới đây?

A. Triển khai hoạt động chống phá miền Bắc. B. Tiến hành các cuộc hành quân càn quét.

C. Mở những cuộc hành quân “Tìm diệt”. D. Tiến hành dồn dân lập ấp chiến lược.

**Câu 41.** Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III (9-1960), Đảng Lao động Việt Nam đề ra chủ trương nào sau đây?

A. Tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở hai miền Bắc-Nam.

B. Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở hai miền Bắc-Nam.

C. Tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược ở hai miền Bắc-Nam.

D. Tiến hành chiến tranh nhân dân trên cả hai miền Bắc-Nam.

**Câu 42:** Ngày 16/5/1955, toán lính Pháp cuối cùng rút khỏi đảo Cát Bà (Hải Phòng), đã đánh dấu bước ngoặt

A. Miền Bắc hoàn toàn giải phóng. B. Việt Nam hoàn toàn giải phóng.

C. Pháp thực thi Hiệp định Giơnevơ. D. Hải Phòng hoàn toàn giải phóng.

**Câu 43: Khi rút khỏi miền Nam (5/1956), Pháp chưa thực hiện điều khoản nào của Hiệp định Giơnevơ?**

A. Ngừng bắn, lập lại hoà bình trên toàn Đông Dương.

B. Hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất hai miền Nam - Bắc.

C. Thực hiện cuộc tập kết, chuyển quân, chuyển giao khu vực.

D. Cam kết không can thiệp vào nội bộ của ba nước Đông Dương.

**Câu 44: Hậu quả nghiêm trọng nhất mà Mĩ gây ra ở Việt Nam sau Hiệp định Giơnevơ là**

A. Việt Nam tạm thời bị chia cắt làm hai miền với hai chế độ khác nhau.

B. cuộc nội chiến giữa lực lượng cách mạng với các phe đối lập.

C. cả nước trở thành thuộc địa kiểu mới, căn cứ quân sự của Mĩ.

D. miền Nam Việt Nam trở thành nước tư bản chủ nghĩa.

**Câu 45: Lí do cơ bản dẫn đến tình trạng chia cắt đất nước Việt Nam sau Hiệp định Giơnevơ là**

A. hai miền Nam, Bắc có sự khác biệt cơ bản về kinh tế, xã hội.

B. Mĩ và tay sai không chịu thi hành Hiệp định Giơnevơ.

C. mâu thuẫn về quyền lợi của các cường quốc ở Việt Nam

D. Pháp không thực hiện hiệp thương tổng tuyển cử.

**Câu 46: Tính chất độc đáo chưa từng có trong tiền lệ cách mạng Việt Nam thuộc giai đoạn 1954- 1975 là**

A. tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng khác nhau ở hai miền.

B. tiến hành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ trong cả nước.

C. tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cả nước.

D. chỉ tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.

**Câu 47: Từ năm 1957 đến năm 1959, cách mạng miền Nam chuyển từ đấu tranh chính trị, hoà bình sang đấu tranh vũ trang tự vệ, rồi dùng bạo lực cách mạng là do**

A. Mĩ - Diệm tiếp tục cuộc “trưng cầu dân ý”, “bầu cử Quốc hội”.

B. kẻ thù khủng bố dã man những người yêu nước, không thể đấu tranh hoà bình nữa.

C. qua thực tiễn đấu tranh, lực lượng chính trị được bảo tồn vầ phát triển.

D. thời kì ổn định của Mĩ - Diệm đã kết thúc, nhân dân sẵn sàng nổi lên.

**Câu 48: Ba xã điểm ở huyện Mỏ Cày mở đầu cho cuộc “Đồng khởi” tại Bến Tre là**

A. Định Thuỷ, Phước Hiệp, Bình Khánh.

B. Thành An, Thạch Ngãi, Thanh Tân.

C. Hoà Lộc, Phú Mĩ, Tân Bình.

D. Phước Mĩ Trung, Thạch Ngãi, Khánh Thạnh Tân.

**Câu 50: Sau thắng lợi của phong trào “Đồng khởi” (1959 - 1960), tổ chức mặt trận đoàn kết toàn dân ở miền Nam ra đời, đó là**

A. Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam.

B. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

C. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

D. Măt trân Dân chủ miền Nam.

**Câu 52: Trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, quân Mĩ có vai trò**

A. là cố vấn chỉ huy. B. trực tiếp tham chiến,

C. là lực lượng dự bị. D. giữ vai trò chủ yếu.

**Câu 53: Nội dung cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” trên lĩnh vực chống phá “ấp chiến lược” gắn liền với**

A. đấu tranh vũ trang. B. xây dựng làng chiến đấu.

C. đấu tranh đòi ruộng đất. D. cách mạng ruộng đất.

**Câu 54: Sự kiện diễn ra ở Sài Gòn để phản đối chính quyền Ngô Đình Diệm, gây xúc động mạnh trong nhân dân là**

A. cuộc đấu tranh của các tín đồ Phật giáo.

B. Hoà thượng Thích Quảng Đức tự thiêu.

C. cuộc đấu tranh của “đội quân tóc dài”.

D. 70 vạn quần chúng Sài Gòn biểu tình.

**Câu 55: Các tầng lớp nhân dân tham gia chống “Chiến tranh đặc biệt” trên mặt trận đấu tranh chính trị ở những đô thị lớn Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng nổi bật là**

A. nông dân, công nhân, dân nghèo thành thị. B. nông dân, học sinh, sinh viên.

C. tăng ni, Phật tử, học sinh, sinh viên. D. công nhân, trí thức, sinh viên, học sinh.

**Câu 56: Thắng lợi của phong trào đấu tranh chính trị ở đô thị và phong trào chống, phá “ấp chiến lược” ở nông thôn miền Nam trong cuộc đấu tranh chống “Chiến tranh đặc biệt” đã**

A. làm tăng thêm mâu thuẫn giữa chính quyền Sài Gòn và đế quốc Mĩ.

B. làm phá sản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mĩ.

C. thúc đẩy nhanh quá trình sụp đổ của chính quyền Ngô Đình Diệm.

D. làm cho chính quyền Sài Gòn khủng hoảng triền miên.

**Câu 57: Chiến thắng “Ấp Bắc” (Mĩ Tho) tháng 1 năm 1963 có ý nghĩa to lớn như thế nào?**

A. Đánh bại hoàn toàn chiến “thuật trực thăng vận”, “thiết xa vận”.

B. Chứng tỏ khả năng đánh bại “Chiến tranh đặc biệt”.

C. Chuyển cách mạng miền Nam từ'thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

D. Cho thấy sự lúng túng của chính quyền Sài Gòn.

**Cân 58: Sự kiện đánh dấu chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ bị thất bại hoàn toàn là**

A. chiến thắng “Ắp Bắc” (Mĩ Tho).

B. cuộc đấu tranh của “đội quân tóc dài”.

C. chiến dịch tiến công đông - xuân 1964 - 1965.

D. 70 vạn quần chủng Sài Gòn biểu tình.

**Câu 59: Để triển khai chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” trong khoảng thời gian 1963 - 1965, Mĩ thực hiện kế hoạch**

A. Xtalây - Tay lo. B. Rơve - Mác Namara.

C. Mácsan - Đờ Lat đơ Tátxinhi. D. Giônxơn - Mác Namara.

**Câu 60: Thắng lợi có ý nghĩa chiến lược của quân dân miền Nam trong chiến đấu chống “Chiến tranh đặc biệt”, đánh dấu bước trưởng thành của lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam là**

A. chiến thắng Ấp Bắc (Mĩ Tho). B. chiến thắng Bình Giã (Bà Rịa).

C. Chiến thắng An Lão (Bình Đinh). D. chiến thắng Đồng Xoài (Biên Hoà).

**Câu 61:** Phong trào thi đua nào đã được mở ra sau chiến thắng Ấp Bắc?

**A.** “Tìm Ngụy mà đánh, lùng Mĩ mà diệt”  **B.** “Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công”

**C.** “Dũng sỹ diệt Mĩ”  **D.** “Tìm Mĩ mà đánh, lùng Ngụy mà diệt”

**BÀI 22. NHÂN DÂN HAI MIỀN TRỰC TIẾP CHIẾN ĐẤU CHỐNG MĨ**

**XÂM LƯỢC (1965-1973)**

**Câu 1:** Ngày 8/3/1965, mở đầu lực lượng lính thủy đánh bộ của Mĩ đổ bộ xuống miền Nam Việt Nam ở bãi biển

A. Thuận An (Huế). B. Xuân Thiều (Đà Nẵng).

C. Quy Nhơn (Bình Định). D. Nha Trang (Khánh Hòa).

**Câu 2:** Từ năm 1965 đến năm 1968, Mĩ thực hiện chiến lược chiến tranh nào ở Việt Nam?

A. “Việt Nam hóa chiến tranh”. B. “Đông Dương hóa chiến tranh”.

C. “Chiến tranh cục bộ”. D. “Chiến tranh đặc biệt”.

**Câu 3:** Một trong những thủ đoạn Mĩ sử dụng trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” (1965-1968) ở Việt Nam là

A. mở các cuộc hành quân tìm diệt và bình định.

B. dồn dân lập ấp chiến lược.

C. bình định miền Nam trong 18 tháng.

D. phong tỏa biên giới để ngăn chặn sự chi viện cho miền Nam.

**Câu 4:** Hành động của Mĩ trong chiến tranh cục bộ 1965-1968 là

A. quân đội viễn chinh Mĩ và quân chư hầu trực tiếp tham chiến.

B. mở những cuộc hành quân “tìm diệt” vào vùng “đất thánh Việt cộng”.

C. viện trợ kinh tế và quân sự cho chính quyền Sài Gòn.

D. dùng chiến thuật “trực thăng vận” và “thiết xa vận”.

**Câu 5:** Giành lại thế chủ động trên chiến trường, đẩy lực lượng vũ trang của ta trở về phòng ngự, làm cho chiến tranh tàn lụi dần... là âm mưu của Mĩ nằm trong chiến lược

A. “Chiến tranh đơn phương”. B. “Chiến tranh đặc biệt”.

C. “Chiến tranh cục bộ”. D. “Việt Nam hóa chiến tranh”.

**Câu 6**: Âm mưu của Mĩ khi thực hiện “Chiến tranh cục bộ” lànhanh chóng tạo ra ưu thế về binh lực, hỏa lực có thể áp đảo quân chủ lực của ta, giành thế chủ động trên chiến trường để

A. “dùng người Việt đánh người Việt”.

B. “dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương”.

C. đẩy quân ta về thế phòng ngự bị động.

D. nhanh chóng giành thắng lợi quyết định và kết thúc chiến tranh.

**Câu 7:** Lực lượng quân đội được Mĩ sử dụng trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” là

A. lực lượng quân đội viễn chinh Mĩ và chư hầu.

B. trang bị vũ khí phương tiện chiến tranh hiện đại.

C. lực lượng quân đội viễn chinh Mĩ, chư hầu và quân đội Sài Gòn.

D. quân đội Sài Gòn và quân các nước Đông Dương.

**Câu 8**: Chiến thắng đầu tiên của quân dân miền Nam trong chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” là

A. Ấp Bắc (Mĩ Tho). B. Núi Thành (5/1965).

C. Vạn Tường (Quảng Ngãi). D. An Lão (Bình Định).

**Câu 9:** Chiến thắng nào được coi là “Ấp Bắc” đối với quân đội Mĩ, mở đầu cao trào “Tìm Mĩ mà đánh, lùng ngụy mà diệt” trên khắp miền Nam?

A. Ấp Bắc (1-1963). B. Vạn Tường (8-1965).

C. An Lão (Bình Định). D. Mậu Thân 1968.

**Câu 10:** Trong mùa khô thứ nhất (1965 -1966), địch mở 5 cuộc hành quân “tìm diệt” lớn nhằm vào hai hướng chiến lược chính là

A. Đông Nam Bộ và Tây Nguyên. B. Đông Nam Bộ và Liên khu V.

C. Đông Nam Bộ và Quảng Trị. D. Liên khu V và Tây Nguyên.

**Câu 11:** Mĩ chính thức tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất trong khi thực hiện chiến tranh nào ở Việt Nam?

A. “Chiến tranh cục bộ”. B.” Đông Dương hóa chiến tranh”.

C. “Việt Nam hóa chiến tranh”. D. “Chiến tranh đặc biệt”.

**Câu 12**: Mĩ chính thức tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai trong khi thực hiện chiến tranh nào ở Việt Nam?

A. “Chiến tranh cục bộ”. B. “Đông Dương hóa chiến tranh”.

C. “Việt Nam hóa chiến tranh”. D. “Chiến tranh đặc biệt”.

**Câu 13**: Nội dung nào dưới đây là một trong những điểm khác nhau giữa chiến lược Chiến tranh cục bộ (1965-1968) và Chiến tranh đặc biệt (1961-1965) của Mĩ ở Việt Nam?

A. Là loại hình chiến tranh thực dân kiểu mới.

B. Nằm trong chiến lược toàn cầu “phản ứng linh hoạt”.

C. Tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc qui mô lớn.

D. Dựa vào viện trợ kinh tế, quân sự của Mĩ.

**Câu 15**: Nội dung nào dưới đây là một trong những điểm khác nhau giữa chiến lược “Chiến tranh cục bộ” (1965-1968) và “Chiến tranh đặc biệt” (1961-1965) của Mĩ ở Việt Nam?

A. Được tiến hành bằng lực lượng quân viễn chinh Mĩ.

B. Được tiến hành bằng lực lượng quân đội Sài Gòn.

C. Thực hiện âm mưu dùng người Việt đánh người Việt.

D. Là loại hình chiến tranh thực dân kiểu mới.

**Câu 16.** Thủ đoạn nào sau đây **không được** Mĩ sử dụng trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ”?

A. Trang bị vũ khí, phương tiện chiến tranh hiện đại.

B. Sử dụng quân đội Sài Gòn như một lực lượng xung kích ở Đông Dương.

C. Gây chiến tranh phá hoại miền Bắc.

D. Sử dụng lực lượng quân đội viễn chinh Mĩ và chư hầu nhằm nhanh chóng chiếm ưu thế.

**Câu 17:** Điểm giống nhau giữa chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” và “Chiến tranh cục bộ” của Mĩ ở Việt Nam là

A. Sử dụng quân đội Mĩ là chủ yếu.

B. Thực hiện các cuộc hành quân “tìm diệt” và “bình định”.

C. Nhằm biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới.

D. Sử dụng quân đội Sài Gòn là chủ yếu.

**Câu 18**: Chiến tranh cục bộ (1965-1968) của Mĩ diễn ra với quy mô lớn và ác liệt hơn Chiến tranh đặc biệt (1961-1965) là do

A. được tiến hành quân đội Sài Gòn, quân viễn chinh Mĩ, với vũ khí của Mĩ.

B. được tiến hành lực lượng mạnh, quân đông, vũ khí hiện đại, mở rộng ra cả hai miền.

C. được tiến hành quân đội Sài Gòn, có sự phối hợp của hỏa lực và không quân Mĩ.

D. thực hiện nhiệm vụ của một cuộc chiến trnh tổng lực.

**Câu 19:** Đẩy lui cuộc hành quân của địch, loại khỏi vòng chiến đấu 900 tên, bắn cháy hàng chục xe tăng, xe bọc thép và hạ nhiều máy bay là kết quả của chiến thắng

A. Ấp Bắc (2/1/1963). B. Núi Thành (5/1965)

C. Vạn Tường (18/8/1965). D. Ấp Bình Giã (2/12/1964).

**Câu 20:** Sau trận Vạn Tường (1965), khả năng đánh thắng quân Mĩ trong cuộc chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của quân dân ta tiếp tục được thể hiện trong

A. cuộc Tiến công chiến lược hè năm 1972.

B. trận “Điện Biên Phủ trên không” cuối năm 1972.

C. hai mùa khô 1965 – 1966 và 1966 – 1967.

D. chiến dịch Đường số 14 – Phước Long.

**Câu 21:** Đến cuối năm 1967, tổ chức nào có cơ quan thường trực ở hầu hết các nước xã hội chủ nghĩa, và cương lĩnh được 41 nước, 12 tổ chức quốc tế và 5 tổ chức khu vực ủng hộ?

A. Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương.

B. Mặt trận Việt Minh.

C. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

D. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

**Câu 22:** Thắng lợi nào đã buộc Mĩ phải tuyên bố “phi Mĩ hóa” chiến tranh,thừa nhận thất bại của “Chiến tranh cục bộ”?

A. Chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi)

B. Đập tan 2 cuộc phản công chiến lược trong 2 mùa khô (1965 -1966 và 1966 -1967).

C. Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 .

D. Tiến công chiến lược hè 1972.

**Câu 23:** Xuất phát từ tương quan so sánh lực lượng có lợi cho ta sau hai mùa khô, đồng thời lợi dụng mâu thuẫn ở Mĩ trong năm bầu cử tổng thống, ta chủ trương

A. mở chiến dịch Tây Nguyên.

B. mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968.

C. mở cuộc Tiến công chiến lược hè 1972.

D. mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

**Câu 24:** CuộcTổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu thân 1968 của quân dân Việt Nam **không** tác động đến việc

A. Mĩ chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc

B. Mĩ chấp nhận đến đàm phán để bàn về chấm dứt chiến tranh Việt Nam.

C. Mĩ phải tuyên bố phi Mĩ hóa chiến tranh xâm lược Việt Nam.

D. Mĩ bị lung lay ý chí xâm lược.

**Câu 25:** Việc Mĩ tuyên bố “phi Mĩ hóa” chiến tranh xâm lược Việt Nam là đánh dấu sự thất bại chiến lược chiến tranh nào?

A. “Chiến tranh cục bộ”. B. “Đông Dương hóa chiến tranh”.

C. “Việt Nam hóa chiến tranh”. D. “Chiến tranh đặc biệt”.

**Câu 26:** Lực lượng chủ yếu tham gia trong chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mĩ là

A. quân viễn chinh Mĩ. B. quân đội Sài Gòn.

C. quân Mĩ và quân đồng minh của Mĩ. D. quân Mĩ và quân đội Sài Gòn.

**Câu 27:** Chiến lược chiến tranh nào Mĩ sử dụng quân đội Sài Gòn như lực lượng xung kích ở Đông Dương?

A. “Chiến tranh đơn phương”. B.  “Chiến tranh đặc biệt” .

C. “Chiến tranh cục bộ”. D. “Việt Nam hóa chiến tranh”.

**Câu 28:** Thủ đoạn nào sau đây **không** được Mĩ sử dụng trong chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”?

A. Sử dụng quân đội Sài Gòn như lực lượng xung kích.

B. Mở rộng chiến tranh xâm lược toàn Đông Dương.

C. Mở các cuộc hành quân tìm diệt và bình định.

D. Bắt tay với các nước lớn trong phe xã hội chủ nghĩa.

**Câu 31:** Giảm xương máu người Mĩ trên chiến trường, đồng thời tăng cường lực lượng quân đội Sài Gòn nhằm tận dụng xương máu người Việt là âm mưu của Mĩ trong chiến lược chiến tranh nào?

A. “Chiến tranh đơn phương”. B. “Chiến tranh đặc biệt”.

C. “Chiến tranh cục bộ”. D. “Việt Nam hóa chiến tranh”.

**Câu 32**: Trong quá trình thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và “Đông Dương hóa chiến tranh”, hoạt động nào của Mĩ gây bất lợi cho cuộc kháng chiến của nhân dân ta?

A. Mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương.

B. “Dùng người Việt đánh người Việt”.

C. Bắt tay với các nước lớn trong phe chủ nghĩa xã hội.

D. Sử dụng hỏa lực và không quân.

**Câu 33:** Thủ đoạn nào sau đây **không** được Mĩ sử dụng trong chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và “Đông Dương hóa chiến tranh”?

A. Sử dụng quân đội Sài Gòn như một lực lượng xung kích ở Đông Dương.

B. Gây chiến tranh phá hoại miền Bắc.

C. Sử dụng lực lượng quân đội viễn chinh Mĩ và chư hầu nhằm nhanh chóng chiếm ưu thế.

D. Thỏa hiệp, hòa hoãn với các nước lớn trong phe xã hội chủ nghĩa nhằm cô lập cuộc kháng chiến của nhân dân ta.

**Câu 34:** Vừa ra đời đã được 23 nước công nhận, trong đó 21 nước đặt quan hệ ngoại giao là thắng lợi của

A. Nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa.

B. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

C. Chính phủ Cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam.

D. Mặt trận Việt Minh.

**Câu 35:** “Cuộc kháng chiến chống Mĩ có thể còn kéo dài. Đồng bào ta có thể phải hi sinh nhiều của, nhiều người. Dù sao chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mĩ đến thắng lợi hoàn toàn...” là đoạn trích trong nội dung của

A. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. B. Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

C. Nghị quyết Trung ương lần thứ 15. D. Thư chúc tết của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

**Câu 36:** Sự kiện nào biểu thị quyết tâm của nhân dân ba nước Đông Dương đoàn kết chiến đấu chống Mĩ?

A**.** Hội nghị Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương.

B. Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương tháng 4/1970.

C. Hội nghị Pari năm 1973.

D. Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương tháng 7/1973.

**Câu 37:** Từ ngày 30/4 đến ngày 30/6/1970, quân đội Việt Nam phối hợp với quân dân nước nào đập tan cuộc hành quân của 10 vạn quân Mĩ và quân đội Sài Gòn?

A. Phối hợp với quân dân Lào. B. Phối hợp với quân Liên Xô.

C. Phối hợp với quân Trung Quốc. D. Phối hợp với quân Camphuchia.

**Câu 38:** Quảng Trị được chọn để mở màn cho cuộc tiến công nào trong kháng chiến chống Mĩ?

A. Cuộc phản công chiến lược trong mùa khô 1967 - 1968.

B. Cuộc Tổng tiến công và nội dậy Xuân Mậu Thân 1968.

C. Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972.

D. Chiến dịch Hồ Chí Minh.

**Câu 39:** Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972, ta đã chọc thủng 3 phòng tuyến quan trọng của địch là:

A. Quảng Trị, Quảng Nam, Tây nguyên. B. Quảng Nam, Tây nguyên, Đông Nam Bộ.

C. Quảng Trị, Bình Thuận, Tây nguyên. D. Quảng Trị, Tây nguyên, Đông Nam Bộ.

**Câu 40:** Chiến thắng nào buộc Mĩ phải tuyên bố “Mĩ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược (tức thừa nhận sự thất bại của chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”?

A. Chiến thắng Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968.

B. Chiến thắng Tiến công chiến lược năm 1972.

C. Chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không” cuối năm 1972.

D. Chiến thắng chiến dịch Tây nguyên.

**Câu 41:** Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” 1969-1973 được tiến hành bằng chủ yếu bằng

A. lực lượng quân đội Sài Gòn. B. lực lượng quân Mĩ.

C. lực lượng quân Mĩ và quân đội Sài Gòn. D. đồng minh của Mĩ.

**Câu 42:** Ý nghĩa lớn nhất của trận “Điện Biên Phủ trên không” năm 1972 là gì?

A. Buộc Mĩ phải ngừng hẳn các hoạt động chống phá miền Bắc.

B. Đánh bại âm mưu phá hoại công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc.

C. Đánh bại âm mưu ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc cho chiến trường miền Nam.

D. Buộc Mĩ phải kí hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam.

**Câu 43:**Nội dung nào trong hiệp định Pari năm 1973 có ý nghĩa nhất đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam?

A. Hoa Kì và các nước cam kết tôn trọng độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam.

B. Hoa Kì rút hết quân đội của mình và quân các nước đồng minh, hủy bỏ các căn cứ quân sự, cam kết không dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam.

C. Các bên để cho nhân dân miền Nam tự quyết định tương lai chính trị của họ thông qua tổng tuyển cử tự do.

D. Các bên ngừng bắn tại chỗ, trao trả tù binh và dân thường bị bắt.

**Câu 44:** Nội dung nào **không** phải là ý nghĩa của Hiệp định Pari năm 1973 về Việt Nam?

A. Là văn bản pháp lí quốc tế đầu tiên ghi nhận quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam.

B. Mở ra bước ngoặt mới của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

C. Là thắng lợi của cuộc đấu tranh quân sự chính trị, ngoại giao.

D. Tạo ra thời cơ thuận lợi để nhân dân Việt Nam tiến lên giải phóng miền Nam.

**Câu 45:** Trong thời kì 1954-1975, sự kiện nào là mốc đánh dấu nhân dân Việt Nam đã căn bản hoàn thành nhiệm vụ “đánh cho Mĩ cút”?

A. Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972.

B. Chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không” năm 1972.

C. Hiệp định Pari về Việt Nam được kí kết năm 1973.

D. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

**Câu 46.** Năm 1970, Mĩ sử dụng quân đội Sài Gòn tiến công xâm lược Campuchia nhằm thực hiện âm mưu nào sau đây?

A. Dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương.

B. Thiết lập trở lại Liên bang Đông Dương.

C. Gạt ảnh hưởng của Pháp ở Đông Dương.

D. Mở rộng chiến tranh ra toàn khu vực Đông Nam Á.

**Câu 47.** Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972 của quân dân Việt Nam thắng lợi buộc Mĩ phải

A. tuyên bố “phi Mĩ hóa” chiến tranh xâm lược Việt Nam.

B. thừa nhận sự thất bại của chiến lược Chiến tranh cục bộ.

C. tuyên bố “Mĩ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược Việt Nam.

D. thừa nhận sự thất bại của chiến lược Chiến tranh đặc biệt.

**Câu 48: Chiến lược “Chiến tranh cục bộ” được thực hiện dưới thời Tổng thống Mĩ**

A. Kennơđi. B. Giônxơn. C. Truman. D. Aixenhao.

**Câu 49: Trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, quân đồng minh của Mĩ tham gia ở miền Nam Việt Nam gồm**

A. Hàn Quốc, Thái Lan, Anh, Pháp, Niu Dilân.

B. Philíppin, Ôxtrâylia, Niu Dilân, Anh, Pháp.

C. Hàn Quốc, Thái Lan, Philíppin, Ôxtrâylia, Niu Dilân.

D. Anh, Hàn Quốc, Thái Lan, Philíppin, Ôxtrâylia.

**Câu 50: Khi thực hiện chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, Mĩ đưa quân Mĩ và đồng minh Việt Nam nhằm**

A. thay quân đội Sài Gòn tham chiến trên chiến trường.

B. tạo ưu thế về binh lực, hoả lực áp đảo quân chủ lực của ta.

C. ngăn chặn chủ nghĩa xã hội ở Đông Nam Á.

D. chuẩn bị những hoạt động phá hoại miền Bắc.

**Câu 51:Cuộc hành quân “tìm diệt” và “bình định” lớn nhất trong mùa khô thứ hai (đông xuân 1966 - 1967) của địch là**

A. cuộc hành quân “Ánh sáng sao”. B. cuộc hành quân Áttơnborơ.

C. cuộc hành quân Gianxơn Xiti. D. cuộc hành quân Xêđaphôn.

**Câu 52: Điểm chung về mục tiêu các cuộc hành quân trong hai mùa khô (1965 - 1966 và 1966- 1967) của Mĩ là**

A. tiêu diệt cơ quan đầu não của ta.

B. tiêu diệt quân chủ lực của ta.

C. lấy lại thế chủ động ở vùng ven biển.

D. giành thắng lợi quân sự gây áp đảo trên bàn đàm phán.

**Câu 53: Điểm mới trong phong trào đấu tranh ở đô thị chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ (1965 *-* 1968) so với phong trào đấu tranh ở đô thị chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt (1961 - 1965) là**

A. sự tham gia của đông đảo tín đồ Phật giáo và “đội quân tóc dài”.

B. sự tham gia của đông đảo học sinh, sinh viên, tín đồ Phật giáo.

C. kết quả các cuộc đấu tranh làm rung chuyển chính quyền Sài Gòn.

D. mục tiêu đấu tranh đòi Mĩ rút về nước, đòi tự do dân chủ.

**Câu 58: Năm 1959, tuyến đường Hồ Chí Minh trên bộ và trên biển được khai thông, đã có tác dụng**

A. phát triển giao thông vận tải. B. nối các vùng kinh tế trong nước,

C. tạo sự thông thương hai miền Bắc - Nam. D. nối liền hậu phương với tiền tuyến.

**Câu 59: Mĩ thực hiện “Việt Nam hoá chiến tranh” nhằm**

A. tận dụng xương máu người Việt Nam, rút dần quân Mĩ về nước.

B. tạo điều kiện phát huy vai trò của quân đội Sài Gòn trên chiến trường.

C. từng bước thoát khỏi cuộc chiến tranh ở Việt Nam.

D. tập trung toàn lực lượng quân Mĩ xâm lược Lào và Campuchia.

**Câu 60: Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam ra đời ngày 6/6/1969 có ý nghĩa**

A. cuộc kháng chiến của Việt Nam được nhân dân tiến bộ thế giới ủng hộ.

B. Mĩ đã bị thất bại trên phương diện đấu tranh ngoại giao.

C. tạo thế cân bằng về so sánh lực lượng giữa cách mạng và phản cách mạng.

D. là Chính phủ hợp pháp, đại diện cho nhân dân miền Nam.

**Câu 61: Thắng lợi của quân dân miền Bắc, đập tan cuộc tập kích đường không bằng máy bay B52 vào Hà Nội, Hải Phòng được coi như**

A. trận Điện Biên Phủ năm 1954. B. một Chi Lăng hay một Đống Đa trong thế kỉ XX.

C. trận “Điện Biên Phủ trên không”. D. trận Oatéclô ở Pháp.

**Câu 63:** **Ý nào sau đây phản ánh không đúng điểm giống nhau giữa “Chiến tranh cục bộ” và “Chiến tranh đặc biệt”?**

A. Đều là chiến tranh xâm lược chiếm đất, giành dân, đặt ách thống trị thực dân mới.

B. Đều hoạt động phối hợp gây chiến tranh phá hoại miền Bắc.

C. Đều phối hợp hoạt động quân sự với chính trị và ngoại giao.

D. Đều có quân Mĩ vừa trực tiếp chiến đấu vừa là cố vấn chỉ huy.

**Câu 64:** **Với chiến lược quân sự “tìm diệt”, Mĩ có âm mưu gì trong cục diện chiến tranh ở chiến trường miền Nam giai đoạn 1965-1968?**

A. Nhanh chóng kết thúc chiến tranh xâm lược ở miền Nam.

B. Mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương.

C. Tạo lợi thế trên mặt trận ngoại giao.

D. Đẩy quân đội cách mạng lâm vào thế phòng ngự, bị động rồi tàn lụi dần.

**BÀI 23. KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC,**

**GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM (1973- 1975)**

**Câu 1:** Sắp xếp các sự kiện dưới đây theo trình tự thời gian:

1. Cuộc Tổng tiến công Xuân Mậu Thân;

2. Chiến dịch Hồ Chí Minh;

3. Chiến dịch Tây Nguyên;

4. Hiệp định Pari được kí;

A. 1, 4, 3, 2. B. 1, 3, 4, 2. C. 1, 2, 3, 4. D. 1, 3, 2, 4.

**Câu 2:** Hội nghị lần thứ 21 của Ban Chấp hành Đảng Lao động Việt Nam (7/1973) khẳng định phải tiếp tục con đường bạo lực cách mạng là do

A. các lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam đã phát triển.

B. đã có lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang lớn mạnh.

C. Mĩ và chính quyền Sài Gòn phá hoại Hiệp định Pari.

D. vùng giải phóng của cách mạng ở miền Nam càng bị thu hẹp.

**Câu 3:** Nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam được Hội nghị lần thứ 21 (7/1973) của Ban Chấp hành Đảng Lao động Việt Nam xác định là

A. giải phóng miền Nam trong năm 1975.

B. chỉ đấu tranh chính trị để thống nhất đất nước.

C. tiếp tục cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

D. tiến hành cách mạng ruộng đất.

**Câu 4**: Hội nghị lần thứ 21 (7/1973) của Ban Chấp hành Đảng Lao động Việt Nam chủ trương đấu tranh chống Mĩ và chính quyền Sài Gòn trên cả ba mặt trận

A. quân sự, kinh tế, ngoại giao. B. quân sự, ngoại giao, văn hóa.

C. quân sự, chính trị, ngoại giao. D. chính trị, kinh tế, văn hóa.

**Câu 5:** Trích đoạn: “…*trong bất cứ tình hình nào cũng phải tiếp tục con đường cách mạng bạo lực, phải nắm vững chiến lược tiến công, kiên quyết đấu tranh trên cả ba mặt trận: chính trị, quân sự, ngoại giao*” là quyết định của hội nghị

A. lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (1/1959).

B. Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 21(7/1973).

C. Bộ chính trị mở rộng bàn về kế hoạch giải phóng miền Nam.

D. Đảng toàn quốc lần thứ III (9/1960).

**Câu 6**: Biện pháp cơ bản mà Mĩ thực hiện xuyên xuốt trong các chiến lược chiến tranh giai đoạn 1961-1973 là

A. tiến hành chiến tranh tổng lực. B. sử dụng quân đội đồng minh.

C. ra sức chiếm đất, giành dân. D. sử dụng quân đội Mĩ làm nòng cốt.

**Câu 7**: Sau khi kí hiệp định Pari, rút quân về nước, Mĩ có hành động gì để thực hiện âm mưu kéo dài cuộc chiến tranh ở Việt Nam?

A. Giữ lại 2 vạn cố vấn, lập bộ chỉ huy quân sự ở miền Nam và tiếp tục viện trợ cho Chính quyền Sài Gòn.

B. Tăng cường lực lượng quân đội Sài Gòn.

C. Tăng cường quân một số nước đồng Minh của Mĩ.

D. Tăng cường viện trợ thiết bị vũ khí, phương tiện chiến tranh cho chính quyền Sài Gòn.

**Câu 8**: Dựa trên điều kiện nào cuối năm 1974 đầu năm 1975mà Bộ chính trị Trung ương Đảng đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam?

A. So sánh tương quan lực lượng có lợi cho cách mạng,

B. Sau hiệp định Pari, Mĩ rút quân về nước không can thiệp quân sự đến nước ta.

C. Mĩ không còn viện trợ kinh tế cho chính quyền Sài Gòn.

D. Miền Bắc đã hoàn thành cách mạng xã hội chủ nghĩa.

**Câu 9:** Trong chủ trương kế hoạch giải phóng miền Nam, luận điểm nào thể hiện sự đúng đắn, linh hoạt trong lãnh đạo cách mạng của Đảng ta?

A. Đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam trong hai năm 1975,1976.

B. Xác định cả năm 1975 là thời cơ.

C. Nếu thời cơ đến đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam ngay trong năm 1975.

D. Tranh thủ thời cơ đánh nhanh thắng nhanh để đỡ thiệt hại về người và của cho nhân dân.

**Câu 10:** Việc Tổng thống Mĩ ra lệnh di tản hết người Mĩ khỏi Sài Gòn (18/4/1975) chứng tỏ điều gì?

A. Chính quyền Sài Gòn bắt đầu khủng hoảng

B. Chính quyền Sài Gòn đã sụp đổ hoàn toàn.

C. Sự sa sút tột độ về mặt tinh thần, ý chí trong nội bộ Mĩ và chính quyền Sài Gòn.

D. Chính quyền Sài Gòn đã đầu hàng vô điều kiện.

**Câu 11**: Tháng 1 năm 1975, quân dân Việt Nam giành thắng lợi nào sau đây?

A. Huế-Đà Nẵng. B. Tây Nguyên.

C. Đường 9 -Nam Lào. D. Đường 14-Phước Long.

**Câu 12:** Chiến thắng đường số 14 Phước Long (6/1/1975) **không** khẳng định nội dung nào sau đây?

A. Quân đội Sài Gòn đã bất lực.

B. Sự can thiệp trở lại bằng quân sự của Mĩ rất hạn chế.

C. Mĩ đã hoàn toàn từ bỏ chiến tranh xâm lược Việt Nam.

D. Sự lớn mạnh và khả năng thắng lớn của quân ta.

**Câu 13:** Sau chiến thắng đường số 14 Phước Long (6/1/1975) của quân dân Việt Nam chính quyền Sài Gòn đã

A. đưa quân đến hòng chiếm lại nhưng thất bại.

B. phản ứng yếu ớt, chủ yếu dùng áp lực đe dọa từ xa.

C. nhanh chóng rút quân để bảo toàn lực lực lượng.

D. phối hợp với quân Mĩ phản công chiếm lại.

**Câu 14:** Thắng lợi nào có tác dụng củng cố thêm quyết tâm của Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam trong việc đề ra chủ trương giải phóng hoàn toàn miền Nam trong hai năm 1975 và năm 1976 ?

A. Trận Điện Biên Phủ trên không năm 1972. B. Chiến thắng Tây Nguyên (1975).

C. Chiến dịch đường 14-Phước Long (1974). D. Hiệp định Pari được kí 1973.

**Câu 15**: Nội dung nào dưới đây phản ánh đúng giá trị của chiến thắng đường số 14 Phước Long (6/1/1975) của quân dân Việt Nam đối với việc củng cố quyết tâm hoàn thành kế hoạch giải phóng miền Nam?

A. Trận mở màn chiến dịch. B. Trận trinh sát chiến lược.

C. Trận nghi binh chiến lược. C. Trận tập kích chiến lược.

**Câu 16**: Vì sao ta chọn Tây Nguyên để mở đầu cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975?

A. Tây Nguyên gần Sài Gòn, Đà Nẵng, trung tâm nam Đông Dương.

B. Vị trí chiến lược quan trọng, lực lượng địch mỏng, bố trí nhiều sơ hở.

C. Lực lượng địch tập trung quân đông và mạnh.

D. Có vị trí chiến lược quan trọng nhất ở miền Nam.

**Câu 17**: Cuộc Tổng tiến công nổi dậy Xuân 1975, đã lần lượt trải qua các chiến dịch

A. Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng, Hồ Chí Minh.

B. Huế - Đà Nẵng, Tây Nguyên, Hồ Chí Minh.

C. Plâyku, Huế - Đà Nẵng, Hồ Chí Minh.

D. Tây Nguyên, Đà Nẵng, Hồ Chí Minh.

**C****âu 18:** Chiến thắng nào của nhân dân Việt Nam trong năm 1975, đã chuyển cách mạng miền Nam từ cuộc tiến công chiến lược sang tổng tiến công chiến lược?

A. Phước Long. B. Tây Nguyên. C. Huế -Đà Nẵng. D. Quảng Trị.

**Câu 19:** Khi Chiến dịch Tây Nguyên (3-1975) đang diễn ra thì Đảng ta đã quyết định mở chiến dịch

A. giải phóng Quảng Trị. B. đường số 14 Phước Long.

C. Huế-Đà Nẵng. D. Hồ Chí Minh.

**Câu 20**: Sau thắng lợi của chiến dịch Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng, Bộ chính trị nhận định

A. tiến hành chiến dịch mang tên giải phóng Sài Gòn

B. thời cơ chiến lược đến có điều kiện giải phóng miền Nam.

C. phải tập trung lực lượng binh khí và kĩ thuật.

D. giải phóng miền Nam trong 2 năm 1975,1976.

**Câu 24:** Thắng lợi nào của nhân dân ta đã mở ra kỉ nguyên đất nước độc lập, thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội?

A. Cách mạng tháng Tám 1945.

B. Chiến thắng Điện Biên Phủ (1954).

C. Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 về Đông Dương.

D. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy xuân 1975.

**Câu 25**: Sự kiện nào đánh dấu cuộc kháng chiến chống Mĩ 1954-1975 toàn thắng?

A. Tổng thống Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng (30/4/1975).

B. Quân ta tiến vào Dinh Độc lập (30/4/1975).

**C**. Lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc lập (30/4/1975).

D. Châu Đốc được giải phóng 2/5/1975.

**Câu 26:** Nguyên nhân quyết định đưa tới thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước là gì?

A. Nhân dân ta có truyền thống yêu nước.

B. Có hậu phương miền Bắc vững chắc.

C. Có sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng.

D. Có sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa.

**Câu 27**: Trong chiến dịch Hồ Chí Minh (1975), địa bàn tác chiến của các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam là

A. rừng núi. B. đô thị. C. đồng bằng. D. trung du.

**Câu 28:** Nét nổi bật về nghệ thuật chỉ đạo trong chiến tranh cách mạng của Đảng Lao động Việt Nam trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 là

A. lựa chọn đúng địa bàn và chủ động tạo thời cơ chiến tranh.

B. đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên chiến tranh cách mạng.

C. kết hợp giữa tiến công và khởi nghĩa của lực lượng vũ trang.

D. kết hợp đánh thắng nhanh và đánh chắc, tiến chắc.

**Câu 29**: Điểm tương đồng trong các chiến lược chiến tranh của Mĩ thực hiện ở Việt Nam từ 1961-1975 là

A. sử dụng quân Mĩ và các nước đồng minh làm nòng cốt.

B. sử dụng quân đội Sài Gòn làm lực lượng nòng cốt.

C. âm mưu chia cắt nước ta lâu dài và nằm trong chiến lược toàn cầu của Mĩ.

D. thực hiện âm mưu dùng người Việt đánh người Việt.

**Câu 30**. Thắng lợi đó “*mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người….như một chiến công vĩ đại ở thế kỉ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc”.* Đó là thắng lợi nào của nhân dân Việt Nam?

A. Cách mạng tháng Tám năm 1945.

B. Cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954)

C. Chiến thắng Điện Biên Phủ (1954).

D. Kháng chiến chống Mĩ (1954-1975).

**Câu 31:** Một trong những điểm khác nhau giữa chiến dịch Hồ Chí Minh 1975 với chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 là về

A. sự huy động cao nhất lực lượng. B. kết cục quân sự.

C. mục tiêu tiến công. D. quyết tâm giành thắng lợi.

**Câu 32:** Một trong những điểm khác nhau giữa chiến dịch Hồ Chí Minh 1975 với chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) là về

A. quyết tâm giành thắng lợi. B. kết cục quân sự.

C. địa bàn mở chiến dịch. D. sự huy động cao nhất lực lượng.

**Câu 33:** Nét tương đồng về nghệ thuật quân sự của chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) và chiến dịch Hồ Chí Minh (1975) là

A. tập trung lực lượng, bao vây, tổ chức tiến công, hợp đồng binh chủng.

B. chia cắt từng bước đánh chiếm các cơ quan đầu nào của đối phương.

C. từng bước xiết chặt vòng vây, kết hợp đánh tiêu diệt và đánh tiêu hao.

D. bao vây, đánh lấn, kết hợp tiến công quân sự và nổi dậy quần chúng.

**Câu 34:** Chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) và chiến dịch Hồ Chí Minh (1975) đều

A. có sự kết hợp nổi dậy của quần chúng. B. có sự điều chỉnh phương châm tác chiến.

C. tiêu diệt mọi lực lượng của đối phương. D. là những trận quyết chiến lược.

**Câu 35:** Điểm chung của các chiến lược chiến tranh do Mĩ tiến hành ở miền Nam Việt Nam trong thời kì 1954-1975 là

A. dựa vào quân đội các nước thân Mĩ.

B. Kết hợp với ném bom phá hoại miền Bắc.

C. dựa vào lực lượng quân sự Mĩ.

D. có sự tham chiến của quân Mĩ.

**Câu 36**: Bài học kinh nghiệm nào trong chống Pháp 1945-1954 được Đảng tiếp tục vận dụng trong kháng chiến chống Mĩ?

A. Kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị và dân vận.

B. Kết hợp sức mạnh dân tộc và thời đại, trong nước và quốc tế.

C. Tranh thủ sự đồng tình của dư luận quốc tế.

D. Tăng cường đoàn kết trong nước và thế giới.

**Câu 37**: Thắng lợi nào của nhân dân Việt Nam góp phần xóa bỏ chủ nghĩa thực dân trên thế giới?

A. Cách mạng tháng Tám 1945 và chiến thắng Điện Biên Phủ 1954.

B. Kháng chiến chống Pháp 1946-1954 và kháng chiến chống Mĩ 1954-1975.

**C.** Tổng tiến công nổi dậy Xuân 1975.

D. Cách mạng tháng Tám 1945 và kháng chiến chống Mĩ 1975.

**Câu 38**: Đường lối chiến lược cách mạng Việt Nam 1930-1975 do Đảng đề ra và thực hiện thành công là

A. tiến hành cách mạng XHCN.

B. độc lập dân tộc gắn liền với CNXH.

C. giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp.

D. cải cách ruộng đất gắn liền với giải phóng giai cấp.

**Câu 39**: Điểm tương đồng Hiệp định Giơnevơ 1954 và Hiệp định Pari 1973 là

A. là văn bản mang tính pháp lí quốc tế công nhận quyền tự do của nhân dân Việt Nam.

B. Có sự tham gia các nước Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.

C. Thỏa thuận ngừng bắn, tập kết chuyển quân.

D. Các nước cam kết tôn trọng quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam.

**Câu 40**: Bài học kinh nghiệm về nhân tố hàng đầu đảm bảo thắng lợi của cách mạng Việt Nam 1930-1975)

A. nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH.

B. xây dựng chính quyền của dân do dân và vì dân.

C. Sự lãnh đạo đúng đắn, linh hoạt, chủ động của Đảng.

D. truyền thống đoàn kết, yêu nước của dân tộc.

**Câu 41:** Nhân tố hàng đầu đảm bảo thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước của nhân dân Việt Nam (1954-1975) là

A. hậu phương miền Bắc được xây dựng vững chắc.

B. tinh thần đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương.

C. sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng.

D. sự giúp đỡ của Liên Xô và các nước XHCN.

**Câu 42**: Trong thời kì 1954-1975, cuộc Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam có vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam vì cuộc cách mạng này

A. bảo vệ vững chắc hậu phương miền Bắc xã hội chủ nghĩa.

B. làm thất bại hòan toàn chiến lược toàn cầu của Mĩ.

C. trực tiếp xóa bỏ ách áp bức bóc lột của tư sản địa chủ miền Nam.

D. trực tiếp đánh đổ ách thống trị của Mĩ và chính quyền Sài Gòn.

**Câu 43:** Cách mạng tháng Tám năm 1945 và cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 ở Việt Nam có điểm chung là

A. xóa bỏ được tình trạng chia cắt đất nước.

B. hoàn thành cuộc cách mạng dân chủ nhân dân.

C. hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

D. được sự ủng hộ mạnh mẽ của nhân dân thế giới.

**Câu 44**: Cách mạng tháng Tám năm 1945 và hai cuộc kháng chiến chống xâm lược (1945-1975) ở Việt Nam có điểm chung là

A. đấu tranh đồng thời trên cả ba mặt trận: quân sự, chính trị và ngoại giao.

B. phong trào đấu tranh ở nông thôn với phong trào đấu tranh ở đô thị.

C. tác chiến trên cả ba vùng rừng núi nông thôn đồng bằng và đô thị.

D. hoạt động của bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và du kích.

**Câu 45:** Trong hai cuộc kháng chiến chống xâm lược (1945-1975) của nhân dân Việt Nam giành thắng lợi bằng việc

A. dùng sức mạnh của nhiều nhân tố thắng sức mạnh quân sự và kinh tế.

B. dùng sức mạnh vật chất đánh thắng sức mạnh của ý chí và tinh thần.

C. lấy lực lượng số đông thắng vũ khí hiện đại.

D. lấy lực thắng thế, lấy ít thắng nhiều về quân số.

**Câu 46**: Trong thời kì 1954-1975, đâu là một trong những nguyên nhân trực tiếp làm cho Việt Nam trở thành nơi diễn ra “sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc”?

A. Phe xã hội chủ nghĩa ủng hộ Việt Nam chống Mĩ.

B. Hiệp định Giơnevơ chia cắt Việt Nam thành hai miền.

C. Việt Nam chịu sự chi phối của cục diện hai phe hai cực.

D. Mĩ chuyển trọng tâm chiến lược toàn cầu sang Việt Nam.

**Câu 47:** Quá trình kết thúccuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) và kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954-1975) của nhân dân Việt Nam có điểm gì khác nhau?

A. Kết hợp giữa sức mạnh truyền thống với sức mạnh hiện tại.

B. Cách thức kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh ngoại giao.

C. Huy động mọi nguồn lực để tạo nên sức mạnh giành thắng lợi.

D. Lấy đấu tranh quân sự làm yếu tố quyết định thắng lợi.

**Câu 48:** Trong thời kì 1954-1975, nhân dân Việt Nam thực hiện nhiệm vụ chiến lược nào?

A. Hoàn thành cải cách ruộng đất và triệt để giảm tô giảm tức.

B. Hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

C. Chống chính sách tố cộng, diệt cộng của chính quyền Sài Gòn.

D. Chống việc tổ chức bầu cử riêng rẽ của chính quyền Sài Gòn.

**Câu 49**: Đặc điểm lớn nhất, độc đáo nhất của cách mạng Việt Nam thời kì 1954-1975 là một Đảng lãnh đạo nhân dân

A. tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng ở hai miền.

B. thực hiện nhiệm vụ cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

C. hoàn thành cách mạng dân chủ và cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cả nước.

D. hoàn thành cách mạng dân chủ nhân dân trong cả nước.

**Câu 50**: Điểm chung của cách mạng tháng Tám năm 1945, kháng chiến chống thực dân Pháp (1946-1954), và kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954-1975) ở Việt Nam là có sự kết hợp

A. đấu tranh chính trị, quân sự và ngoại giao.

B. lực lượng chính trị với lực lượng vũ trang.

C. chiến trường chính và vùng sau lưng địch.

D. của lực lượng vũ trang ba thứ quân.

C**âu 51**: Trong chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975, lực lượng chính trị giữ vai trò

A. hỗ trợ lực lượng vũ trang. B. quyết định thắng lợi.

C. nòng cốt. D. xung kích.

**Câu 52**: Cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954-1975) của nhân dân Việt Nam thắng lợi là một sự kiện có tầm quốc tế to lớn, có tinh thời đại sâu sắc vì đã

A. giáng đòn mạnh mẽ vào âm mưu nô dịch của chủ nghĩa thưc dân.

B. tạo ra tác động cơ bản làm sụp đổ trật tự hai cực Ian ta.

C. tạo nên cuộc khủng hoảng tâm lí sâu sắc đối với các cựu binh Mĩ.

B. dẫn đến khủng hoảng kinh tế chính trị nghiêm trọng ở Mĩ.

**Câu 53.** Một trong những biểu hiện của vai trò quyết định nhất của cách mạng miền Bắc đối với sự nghiệp chống Mĩ, cứu nước ở Việt Nam (1954-1975) là

A. hoàn thành việc xây dựng cơ sở vật chất-kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội.

B. trực tiếp đánh thắng các chiến lược chiến tranh của Mĩ.

C. giành thắng lợi trong trận quyết chiến chiến lược, kết thúc chiến tranh.

D. làm nghĩa vụ hậu phương của chiến tranh cách mạng.

**Câu 54.** Thực tiễn 30 năm chiến tranh cách mạng Việt Nam (1945-1975) chứng tỏ kết quả đấu tranh ngoại giao

A. chỉ phản ánh kết quả của đấu tranh chính trị và quân sự.

B. luôn phụ thuộc vào quan hệ và sự dàn xếp giữa các cường quốc.

C. có tác động trở lại các mặt trận quân sự và chính trị.

D. không thể góp phần làm thay đổi so sánh lực lượng trên chiến trường.

**Câu 55.** Một trong những điểm tương đồng của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm (1945-1975) ở Việt Nam là

A. lực lượng chính trị giữ vai trò quyết định thắng lợi.

B. lực lượng vũ trang giữ vai trò quyết định thắng lợi.

C. có sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa.

D. có sự sáng tạo trong phương thức sử dụng lực lượng.

**Câu 56: Sau Hiệp định Pari, nhân dân miền Nam vẫn phải đấu tranh chống địch “bình định - lấn chiếm” là do**

A. Mĩ và chính quyền Sài Gòn âm mưu phá hoại Hiệp định Pari.

B. chính quyền Sài Gòn âm mưu chuẩn bị tiến công miền Bắc.

C. chính quyền Sài Gòn âm mưu chuẩn bị chiếm lại các vùng bị mất.

D. Mĩ âm mưu biến miền Nam thành quốc gia tự trị.

**Câu 57: Chính quyền Sài Gòn ngang nhiên phá hoại Hiệp định Pari bởi vì**

A. so sánh lực lượng có lợi cho quân.đội Sài Gòn.

B. được cố vấn Mĩ chỉ huy và nhận viện trợ của Mĩ.

C. được nhân dân miền Nam ủng hộ.

D. quân dân ta chưa có chủ trương dùng bạo lực.

**Câu 58: Những hành động của chính quyền Sài Gòn như tiến hành chiến dịch “tràn ngập lãnh thổ”, mở những cuộc hành quân “bình định - lấn chiếm” vào vùng giải phóng của ta cho thấy**

A. sức mạnh áp đảo của chính quyền Sài Gòn.

B. Mĩ và quân đội Sài Gòn thực hiện Hiệp định Pari (1973).

C. Mĩ vẫn đang theo đuổi chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”.

D. so sánh lực lượng đang có lợi cho chính quyền Sài Gòn.

**Câu 59: Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 21 (7/1973) nhận định kẻ thù của cách mạng miền Nam là**

A. quân Mĩ và quân đồng minh.

B. quân đội và chính quyền Sài Gòn.

C. Mĩ và tập đoàn Nguyễn Văn Thiệu.

D. chính quyền Sài Gòn và bọn phản động lưu vong.

**Câu 60: Hội nghị Bộ Chính trị (10/1974) đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam trong thời gian**

A. hai năm (1974 -1975). B. trước mùa mưa năm 1975.

C. trước mùa mưa năm 1976. D*.* hai năm (1975 - 1976).

**Câu 61: Tuy đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam trong thời gian 2 năm (1975 - 1976), nhưng Bộ Chính trị nhấn mạnh.**

A. “cả năm 1975 là năm thời cơ” và chỉ rõ “nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975”.

B. thời cơ chiến lược đến nhanh và hết sức thuận lợi, trước tiên là mở các chiến dịch giải phóng Huế và Đà Nẵng.

C. ngay khi chiến dịch Tây Nguyên đang tiếp diễn, phải kịp thời kế hoạch giải phóng giải phóng Sài Gòn và toàn miền Nam.

D. “phải tập trung nhanh nhất lực lượng, binh khí kĩ thuật và vật chất giải phóng miền Nam trước mùa mưa”.

**Câu 62: Thời cơ thụận lợi để nhân dân ta tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam là**

A. kẻ thù chính là đế quốc Mĩ đã bị đánh bại hoàn toàn.

B. việc Mĩ rút quân làm cho quân đội Sài Gòn suy yếu nghiêm trọng.

C. phong trào đấu tranh của nhân dân thế giới phát triển mạnh.

D. phong trào phản chiến của nhân dân Mĩ dâng cao.

**Câu 63: Chính quyền và quân đội Sài Gòn ít chú ý phòng thủ Tây Nguyên là do**

A. chúng cho rằng Tây Nguyên không phải là vùng chiến lược quan trọng.

B. chúng cho rằng Tây Nguyên nhiềụ núi rừng không phát huy được hoả lực.

C. Tây Nguyên xa trung tâm, nên không cần phòng thủ chặt.

D. nhận định sai hướng tiến công của ta, nên ít chú trọng phòng thủ.

**Câu 64: Chiến dịch Tây Nguyên thắng lợi có ý nghĩa**

A. chuyển cuộc tiến công chiến lược thành tổng tiến công chiến lược trên toàn miền Nam.

B. đánh dấu quá trình sụp đổ hoàn toàn của quân đội và chính quyền Sài Gòn.

C. làm cho hệ thống phòng thủ của địch rung chuyển, tạo điều kịện để ta tiến công.

D. làm cho quân địch mất tinh thần, tạo thời cơ thuận lợi cho ta tiến lên giải phóng miền Nam.

**Câu 66: Ngày 14/4/1975, Bộ Chính trị quyết định lấy tên Chiến dịch Hồ Chí Minh làm chiến dịch giải phóng**

A. Biên Hoà. B. Phan Rang. C*.* Sài Gòn - Gia Định. D. Xuân Lộc.

**Câu 67: Phương châm tác chiến của chiến dịch Hồ Chí Minh là**

A. đánh ăn chắc, tiến ăn chắc. B. đánh nhanh, thắng nhanh.

C. đánh bất ngờ, bí mật. D. thần tốc, bất ngờ, táo bạo, chắc thắng.

**Câu 68: Phương pháp và hình thức tiến hành chiến dịch Hồ Chí Minh là**

A. kết hợp tiến công của lực lượng vũ trang và nổi dậy của quần chúng.

B. tiến công của lực lượng quân sự vũ trang.

C. kết hợp đấu tranh chính trị ở thành thị với nổi dậy ở nông thôn.

D. kết hợp đấu tranh chính trị ở thành thị với đấu tranh ngoại giao.

**Câu 69: Mục tiêu của chiến dịch Hồ Chí Minh là**

A. nhằm vào mục tiêu quân sự. B. nhằm vào cơ quan đầu não của kẻ thù.

C. nhằm vào mục tiêu chính trị. D. nhằm vào nơi địch bố phòng sơ hở.

**Câu 70: Trước khi bắt đầu chiến dịch giải phóng Sài Gòn - Gia Định, ta tấn công căn cứ bảo vệ Sài Gòn ở phía Đông là**

A. Xuân Lộc và Phan Rang. B. Xuân Lộc và Biên Hoà.

C. Phan Rang và Phan Thiết. D. Ninh Thuận và Biên Hoà.

**Câu 71: Đỉnh cao của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 là**

A. Chiến dịch Tây Nguyên. B. Chiến dịch Huế.

C. Chiến dịch Hồ Chí Minh. D. Chiến dịch Đà Nẵng.

**Câu 72:** Ý nghĩa quyết định của chiến thắng Đường 14-Phước Long (1-1975) đối với cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta là

A. làm lung lay ý chí chiến đấu của quân đội Sài Gòn.

B. giáng một đòn mạnh vào quân đội và chính quyền Sài Gòn.

C. tạo tiền đề thuận lợi hoàn thành sớm quyết tâm giả phóng miền Nam.

D. giúp Bộ Chính trị trung ương Đảng hoàn chỉnh kế hoạch giải phóng miền Nam.

**Câu 73:** Sự kiện nào đánh dấu sự toàn thắng của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954-1975)?

A. Tổng thống Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng không điều kiện (30-4-1975).

B. Xe tăng và bộ binh của quân giải phóng tiến vào Dinh Độc Lập (30-4-1975).

C. Lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập (30-4-1975).

D. Châu Đốc là địa phương cuối cùng của miền Nam được giải phóng (2-5-1975).

hời kìCCCckjklhâu 26CCcâu Ccâu câu Cbb------------------------------C

**BÀI 24. Việt Nam trong những năm đầu sau thắng lợi của**

**cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước năm 1975**

**Câu 1:** Sau đại thắng mùa Xuân 1975, nhiệm vụ cấp thiết hàng đầu của cả nước ta là

A. khắc phục hậu quả chiến tranh và phát triển kinh tế.

B. ổn định tình hình chính trị, xã hội ở miền Nam.

C. hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

D. mở rộng quan hệ giao lưu với các nước.

**Câu 2**: Việt Nam thực hiệnthống nhất đất nước về mặt nhà nước ngay sau đại thắng mùa Xuân 1975 vì

A. muốn tạo sức mạnh tổng hợp để tham gia xu thế toàn cầu.

B. đó là một điều khoản phải thi hành của Hiệp định Pari.

C. phải hoàn thành triệt để cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.

D. đó là ý chí nguyện vọng thiết tha của toàn dân tộc.

**Câu 3:** Tại sao Việt Nam thực hiệnthống nhất đất nước về mặt nhà nước ngay sau đại thắng mùa Xuân 1975?

A. Cần có cơ quan quyền lực đại diện chung cho nhân dân.

B. Phù hợp với xu thế phát triển “ Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một”

C. Mỗi miền tồn tại hình thức tổ chức nhà nước khác nhau.

D. Nhân dân ta mong muốn được sum họp có một chính phủ thống nhất.

**Câu 4:** Việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước ở Việt Nam (1976) đã

A. tạo khả năng to lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

B. đánh dấu việc hoàn thành khắc phục hậu quả chiến tranh.

C. tạo điều kiện hoàn thành cách mạng dân chủ nhân dân.

D. đánh dấu hoàn thànhthống nhất đất nước về hệ thống chính trị.

**Câu** **5:** Thuận lợi cơ bản nhất của đất nước sau 1975 là

A. nhân dân phấn khởi với chiến thắng vừa giành được.

B. có miền Bắc xây dựng XHCN, miền Nam hoàn toàn giải phóng.

C. đất nước được độc lập, thống nhất.

D. các nước XHCN tiếp tục ủng hộ.

**Câu 6**: Tổ chức nào giữ vai trò tập hợp, đoàn kết toàn dân Việt Nam sau khi thống nhất đất nước (1976)?

A. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. B. Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam.

C. Việt Nam độc lập đồng minh. D. Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam.

**Câu 7**: Ngay sau đại thắng mùa Xuân 1975, nội dung nào **không** phải là điều kiện thuận lợi công cuộc xây dựng đất nước ta là

A. miền Bắc xây dựng được cơ sở vật chất kĩ thuật của ban đầu của chủ nghĩa xã hội.

B. cuộc cách mạng dân chủ nhân dân đã hoàn thành.

C. nhiều nước trên thế giới công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Việt Nam.

D. miền Nam đã hoàn thành việc khắc phục hậu quả chiến tranh.

**Câu 8:** Nội dung nào dưới đây là điều kiện thuận lợi của Việt Nam ngay sau đại thắng mùa Xuân 1975?

A. Đất nước thống nhất về lãnh thổ.

B. Hậu quả chiến tranh đã khắc phục xong.

C. Mĩ đã bình thường hóa quan hệ với Việt Nam.

D. Nền kinh tế bước đầu có tích lũy nội bộ.

**Câu 9**: Sự kiện nào đánh dấu việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước ở Việt Nam?

A. Đại thắng mùa Xuân năm 1975.

B. Tổng tuyển cử bầu quốc hội khóa VI.

C. Kì họp thứ nhất quốc hội khóa VI.

D. Quyết định đặt tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

**Câu 10:** Sự thành công của kì họp thứ nhất Quốc hội khóa VI (1976) có ý nghĩa

A. đưa nước ta chuyển sang giai đoạn độc lập thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.

B. bầu ra chức vụ cao nhất trong bộ máy lãnh đạo của nhà nước.

C. hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

D. tạo ra sức mạnh to lớn để bảo vệ đất nước.

**Câu 11**: Kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa VI nước Việt Nam thống nhất quyết định tên nước là

A. Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. B. Việt Nam Dân chủ cộng hòa.

C. Việt Nam Cộng hòa. D. Việt Nam Độc lập đồng minh.

**Câu 12**: Thắng lợi nào đã tạo nên những điều kiện chính trị cơ bản để phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước, những điều kiện thuận lợi để cả nước đi lên CNXH và mở rộng quan hệ với các nước trên thế giới?

A. Thắng lợi của việc ký Hiệp định Pa-ri 1973.

B. Thắng lợi của đại thắng mùa Xuân 1975.

C. Thắng lợi của việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước.

D. Việt Nam gia nhập Liên Hợp Quốc.

**Câu 13**: Đâu là khó khăn cơ bản nhất của đất nước sau năm 1975?

A. Nạn đói hoành hành khắp nơi.

B. Bọn phản động trong nước ngóc đầu dậy chống phá.

C. khoản 95% dân số mù chữ.

D. Hậu quả của chiến tranh để lại rất nặng nề.

**Câu 14**: Ngày 20 – 9 – 1977, nước ta trở thành thành viên thứ 149 của tổ chức nào?

A. ASEAN. B. WTO. C. Liên Hợp Quốc. D. APEC.

**Câu 15:** Hội nghị nào đã đề ra nhiệm vụ hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước?

A. Hội nghị Hiệp thương chính trị tổ chức tại Sài Gòn.

B. Hội nghị lần thứ 24 BCH TƯ Đảng (9 – 1975).

C. Hội nghị lần thứ 21 BCH TƯ Đảng (7 – 1973).

D. Hội nghị TƯ lần thứ 15.

**Câu 16:** Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (9 – 1975) đã đề ra nhiệm vụ

A. xây dựng chủ nghĩa xã hội ở hai miền Nam, Bắc.

B. hiệp thương chính trị thống nhất đất nước.

C. hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

D. hoàn thành công cuộc khôi phục kinh tế xã hội sau chiến tranh.

**Câu 17**:Cơ quan quyền lực cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

A. Viện kiểm sát nhân dân tối cao. B. Chính phủ.

C. Quốc hội. D. Tòa án nhân tối cao.

**Câu 18:** Sau mùa Xuân 1975, nguyện vọng tình cảm thiêng liêng của nhân dân 2 miền Nam – Bắc là

A. giải phóng hoàn toàn miền Nam. B. mong muốn có một chính phủ thống nhất.

C. tiến hành CMXHCN trên cả nước. D. gia nhập các tổ chức quốc tế.

**Câu 19**: Hãy sắp xếp sự kiện sau theo trình tự thời gian:

1. Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam.

2. Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước;

3. Quốc hội khóa VI nước Việt Nam thống nhất họp kỳ đầu tiên;

4. Tổng tuyển của bầu Quốc hội chung cả nước.

A. 1,3,2,4. B. 1,2,3,4. C. 1,2,4,3. D. 2,1,3,4.

**Câu 20:** Nội dung nào dưới đây giải thích **không** đúng về ý nghĩa của việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước?

A. Tạo nên sức mạnh tổng hợp cho cả dân tộc.

B. Tạo điều kiện thuận lợi để thống nhất các lĩnh vực còn lại.

C. Tạo ra khả năng to lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

D. Tạo điều kiện thuận lợi để Việt Nam gia nhập ASEAN.

**Câu 21.** Nội dung nào sau đây là ý nghĩa của việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước ở Việt Nam (1975-1976)?

A. Đánh dấu việc hoàn thành thống nhất các tổ chức chính trị.

B. Tạo điều kiện để tăng cường an ninh-quốc phòng của đất nước.

C. Là điều kiện trực tiếp để Việt Nam gia nhập tổ chức ASEAN.

D. Tạo điều kiện hoàn thành cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.

**BÀI 25. VIỆT NAM XÂY DỰNG CHỦ NGHIA XÃ HỘI VÀ ĐẤU TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC (1976-1986)**

**Câu 1:** Cuộc đấu tranh bảo vệ biên giới Tây Nam (1975-1978) nhân dân ta chống lại kẻ thù nào?

A.Trung Quốc B. Pháp

1. **“ Khơ me đỏ**” D. Mĩ.

**Câu 2:** Tháng 5-1975 quân “ Khơ me đỏ” cho quân đổ bộ đánh chiếm các đảo nào của nước ta?

1. Đảo Phú Quốc, Hòn tre B. Đảo Hà Tiên, Thổ Chu.

C.Đảo Thổ Chu, Côn Đảo **D. Đảo Phú Quốc, Thổ Chu.**

**Câu 3:**  Mở đầu cuộc chiến tranh xâm lấn biên giới Tây Nam nước ta quân “ Khơ međỏ đã đánh chiếm tỉnh thành nào sau đây?

1. An Giang **C. Tây Ninh.**
2. Tiền Giang D. Long An.

**Câu 4:** Hành động thù địch chống Việt Nam của tập đoàn “ Khơ me đỏ” được một số nhà lãnh đạo quốc gia nào sau đây ủng hộ?

1. **Trung Quốc.** C. Pháp.
2. Mĩ. D. Nhật.

**Câu 5:** Chiến thắng biên giới Tây Nam của quân dân ta có ý nghĩa như thế nào?

1. **Tạo thời cơ thuận lợi để cách mạng Campuchia giành thắng lợi.**
2. Tiêu diệt hoàn toàn chế độ Pôn pốt.
3. Tăng cường tình đoàn kết của nhân dân ba nước Đông Dương.
4. TẠo nên sức mạnh tổng hợp của nhân dân Việt Nam và Campuchia.

**BÀI 26. ĐẤT NƯỚC TRÊN ĐƯỜNG ĐỔI MỚI ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI**

**(1986 – 2000)**

**Câu 1:** Đại hội lần thứ VI (12-1986) của Đảng Cộng sản Việt Nam là đại hội của

A. đổi mới. B. bảo vệ Tổ quốc.

C. xây dựng CNXH. D. xây dựng nền văn hóa dân tộc.

**Câu 2:** Một trong những yếu tố khách quan tác động trực tiếp đến việc Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra đường lối đổi mới từ tháng 12 – 1986 là

A. tình trạng lạc hậu của các nước Đông Nam Á.

B. sự phát triển nhanh chóng của các tổ chức ASEAN.

C. cuộc khủng hoảng toàn diện, trầm trọng của Liên Xô.

D. cuộc khủng hoảng trầm trọng của nền kinh tế thế giới.

**Câu 3**: Một trong những nguyên nhân cơ bản tác động trực tiếp đến việc Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra đường lối đổi mới từ tháng 12 – 1986 là do

A. các nước xã hội chủ nghĩa cuộc khủng hoảng trầm trọng.

B. cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật trên thế giới phát triển nhanh chóng.

C. nước ta lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài, cần khắc phục.

D. Trung Quốc thành công trong công cuộc cải cách tác động đến nước ta.

**Câu 4:** Đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra từ tháng 12 – 1986 hiểu như thế nào cho đúng?

A. Không phải là thay đổi mục tiêu chủ nghĩa xã hội mà thông qua đó phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa để thực hiện mục tiêu đó.

B. Không phải là thay đổi mục tiêu chủ nghĩa xã hội mà là cho mục tiêu ấy có hiệu quả bằng những bước đi và biện pháp thích hợp.

C. Thay đổi mục tiêu chủ nghĩa xã hội cho phù hợp với hoàn cảnh của đất nước và xu thế của thế giới.

D. Xác định đúng mục tiêu thời kì quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội để thực hiện đạt kết quả khả thi.

**Câu 5:** Trọng tâm đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra từ tháng 12 – 1986 là về

A. pháp luật. B. chính trị. C. kinh tế. D. tư tưởng.

**Câu 6:** Chủ trương xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nhà nước của dân do dân vì dân là nội dung trong đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam (từ 12-1986) về

A. chính trị. B. văn hóa. C. dịch vụ. D. trí tuệ.

**Câu 7**: Nội dung trọng tâm của đường lối đổi mới ở Việt Nam đề ra từ tháng 12 – 1986 phù hợp với xu thế phát triển của thế giới

A. mở rộng hợp tác, đối thoại, thỏa hiệp.

B. thiết lập quan hệ đồng minh với các nước lớn.

C. lấy phát triển kinh tế làm trọng điểm.

D. tham gia mọi tổ chức khu vực và quốc tế.

**Câu 8:** Vì sao trong đường lối đổi mới ở Việt Nam đề ra từ tháng 12 – 1986, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm?

A. Kinh tế phát triển là cơ sở để đổi mới các lĩnh vực khác.

B. Một số nước lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm.

C. Hậu quả chiến tranh kéo dài, nước ta còn nghèo nàn lạc hậu.

D. Những khó khăn của đất nước bắt nguồn từ khó khăn về kinh tế.

**Câu 9:** Nội dung của đường lối đổi mới ở Việt Nam đề ra từ tháng 12 – 1986 là

A. thay đổi toàn diện, đồng bộ, trọng tâm là đổi mới chính trị.

B. thay đổi toàn diện, đồng bộ, trọng tâm là đổi mới kinh tế.

C. thay đổi toàn bộ mục tiêu chiến lược.

D. đổi mới lần lượt trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa.

**Câu 10:** Trong đường lối đổi mới ở Việt Nam đề ra từ tháng 12 – 1986, Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương

A. tập trung đổi mới kinh tế, xã hội. B. đổi mới căn bản và toàn diện.

C. đổi mới toàn diện và đồng bộ. D. tập trung đổi mới chính trị và tư tưởng.

**Câu 11:** Trong đường lối đổi mới ở Việt Nam đề ra từ tháng 12 – 1986, Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương hình thành cơ chế kinh tế

A. thị trường. B. tập trung. C. bao cấp. D. kế hoạch hóa.

**Câu 12:** Trong đường lối đổi mới ở Việt Nam đề ra từ tháng 12 – 1986, Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng

A. kinh tế tập trung. B. kinh tế thị trường.

C. xã hội chủ nghĩa. D. phân phối theo lao động.

**Câu 13**: Quan điểm đổi mới đất nước của Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 12 – 1986 **không** nội dung nào dưới đây?

A. Lấy đổi mới chính trị làm trọng tâm.

B. Đi lên chủ nghĩa xã hội bằng những biện pháp phù hợp.

C. Không thay đổi mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

D. Đổi mới toàn diện và đồng bộ.

**Câu 14:** Chủ trương đổi mới về kinh tế của Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 12 – 1986 là

A. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng trên cơ sở phát triển công nghiệp và công nghiệp nhẹ.

B. Thực hiện công nghiệp hóa, điện đại hóa đưa sự nghiệp đổi mới đất nước tiến lên.

C. Phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, theo định hướng XHCN.

D. Khắc phục sai lầm, khuyết điểm, đưa đất nước vượt qua khủng hoảng đẩy mạnh cách mạng XHCN tiến lên.

**Câu 15**: Một trong những mục tiêu của đường lối đổi mới ở Việt Nam đề ra từ tháng 12 – 1986 là

A. bước đầu khắc phục hậu quả chiến tranh.

B. đưa đất nước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng.

C. hoàn thiện cơ chế quản lý đất nước.

D. hoàn thành công cuộc cải cách ruộng đất.

**Câu 16:** Nội dung đổi mới về kinh tế của Việt Nam (từ 12-1986) và Chính sách kinh tế mới của nước Nga (NEP, 1921) có điểm tương đồng là

A. ưu tiên phát triển công ngiệp nặng và giao thông vân tải.

B. xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần có sự quản lý của nhà nước.

C. xây dựng kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, kiểm soát bằng pháp luật.

D. thay thế chế độ trưng thu lương thực thừa bằng thu thuế lương thực.

**Câu 21:** Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 12/1986 đã đề ra chủ trương xây dựng nhà nước

A. xã hội chủ nghĩa. B. pháp quyền XHCN.

C. cộng hòa dân chủ. D. dân chủ XHCN.

**Câu 23**: Bài học kinh nghiệm là nhân tố hàng đầu đảm bảo thắng lợi cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến năm 2000 là

A. nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

B. xây dựng chính quyền của dân do dân và vì dân.

C. sự lãnh đạo đúng đắn, linh hoạt, chủ động của Đảng.

D. truyền thống yêu nước, đoàn kết dân tộc và quốc tế.

**Câu 24**: Bài học kinh nghiệm quý báu được rút ra từ thực tiễn cách mạng Việt Nam trong thế kỉ XX là

A. nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

B. giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng giai cấp.

C. thực hiện mục tiêu dân tộc và ruộng đất cho dân cày.

D. giải quyết tốt mối quan hệ giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp.

**Câu 25**: Tại sao trong đường lối đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa?

A. Việt Nam có điều kiện phát triển kinh tế thị trường.

B. Tận dụng được nhiều nguồn lực để phát triển đất nước.

C. Tạo điều kiện để kinh tế tư bản tư nhân phát triển.

D. Thu hút vốn và khoa học công nghệ nước ngoài.

**Câu 26:** Nguyên nhân quyết định thắng lợi bước đầu của công cuộc đổi mới ở Việt Nam hiện nay là

A. sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

B. truyền thống yêu nước của nhân dân Việt Nam.

C. sự giúp đỡ của cộng đồng quốc tế và các nước xã hội chủ nghĩa.

D. sự năng động thích nghi của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.

**Câu 27:**Tư tưởng cốt lõi của xuyên suốt cách mạng Việt Nam từ khi Đảng Cộng sản ra đời đến nay là

A. độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

B. chống đế quốc gắn liền với chống phong kiến.

C. giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng giai cấp.

D. xây dựng nhà nước thực sự của dân, do dân và vì dân.

**Câu 28:** “Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, chính sách đối ngoại hòa bình, hữu nghị, hợp tác” là quan điểm của Đảng và Nhà nước ta trong quá trình thực hiện

A. xây dựng đất nước ở thời kì quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.

B. đường lối đổi mới đất nước từ năm 1986.

C. xây dựng đất nước trong giai đoạn công nghiệp hóa-hiện đại hóa.

D. điều chỉnh chính sách đối ngoại thời kì sau Chiến tranh lạnh.

**Câu 30:** Một trong những nguyên nhân cơ bản làm cho tình hình đất nước rơi vào khủng hoảng kinh tế-xã hội nghiêm trọng trong những năm 80 thế kỉ XX nước ta là

A. các thế lực thù địch chống phá.

B. không áp dụng khoa học kĩ thuật trong sản xuất.

C. bị chiến tranh tàn phá nặng nề trong thời gian dài.

D. sai lầm về chủ trương chính sách lớn của Đảng.

**Câu 31:** Một trong những nhân tố khách quan tác động đến quyết định đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam vào tháng 12-1986 là

A. đất nước khủng hoảng kinh tế-xã hội.

B. cách mạng khoa học-kĩ thuật đạt nhiều thành tựu.

C. yêu cầu bức thiết của nhân dân.

D. công cuộc đổi mới của Liên Xô đạt nhiều thành tựu.

**ĐÁP ÁN**

**BÀI 21**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1-A | 2-B | 3-A | 4-C | 5-B | 6-D | 7-C | 8-A | 9-B | 10-A | 11-A |
| 12-A | 13-B | 14-A | 15-D | 16-C | 17-D | 18-B | 19-D | 20-C | 21-C | 22-A |
| 23-A | 24-A | 25-A | 26-A | 27-C | 28-A | 29-B | 30-D | 31-B | 32-A | 33-A |
| 34-A | 35-B | 36-A | 37-B | 38-B | 39-D | 40-C | 41-C | 42-A | 43-B | 44-A |
| 45-C | 46-A | 47-B | 48-A | 49-D | 50-C | 51-A | 52-A | 53-B | 54-B | 55-C |
| 56-C | 57-B | 58-C | 59-D | 60-A |  |  |  |  |  |  |

**BÀI 22**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1-B | 2-C | 3-A | 4-B | 5-C | 6-C | 7-C | 8-B | 9-B | 10-B | 11-D |
| 12-A | 13-C | 14-B | 15-A | 16-B | 17-C | 18-B | 19-C | 20-C | 21-C | 22-C |
| 23-B | 24-C | 25-A | 26-B | 27-D | 28-C | 29-D | 30-B | 31-D | 32-C | 33-C |
| 34-B | 35-B | 36-B | 37-D | 38-C | 39-D | 40-B | 41-A | 42-D | 43-B | 44-A |
| 45-C | 46-A | 47-C | 48-B | 49-C | 50-B | 51-C | 52-B | 53-D | 54-D | 55-A |
| 56-B | 57-C | 58-D | 59-A | 60-D | 61-C | 62-A | 63-D | 64-D |  |  |

**BÀI 23**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1-A | 2-D | 3-C | 4-C | 5-B | 6-C | 7-A | 8-A | 9-C | 10-C | 11-D |
| 12-C | 13-A | 14-C | 15-B | 16-B | 17-A | 18-B | 19-C | 20-B | 21-C | 22-C |
| 23-B | 24-D | 25-C | 26-C | 27-B | 28-A | 29-C | 30-D | 31-C | 32-C | 33-A |
| 34-D | 35-C | 36-B | 37-B | 38-B | 39-D | 40-C | 41-C | 42-D | 43-A | 44-B |
| 45-A | 46-D | 47-B | 48-B | 49-A | 50-B | 51-A | 52-A | 53-D | 54-C | 55-D |
| 56-A | 57-B | 58-C | 59-C | 60-D | 61-A | 62-B | 63-D | 64-A | 65-B | 66-C |
| 67-D | 68-A | 69-B | 70-A | 71-C | 72-D | 73-D |  |  |  |  |

**BÀI 24**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1-C | 2-D | 3-C | 4-A | 5-C | 6-A | 7-D | 8-A | 9-C | 10-C | 11-A |
| 12-C | 13-D | 14-C | 15-B | 16-B | 17-C | 18-B | 19-C | 20-D | 21-B |  |

**BÀI 26**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1-A | 2-C | 3-C | 4-B | 5-C | 6-A | 7-C | 8-D | 9-B | 10-C | 11-A |
| 12-C | 13-A | 14-C | 15-B | 16-B | 17-C | 18-D | 19-C | 20-A | 21-B | 22-C |
| 23-C | 24-A | 25-B | 26-A | 27-A | 28-B | 29-B | 30-D | 31-B | 32-B | 33-B |
| 34-A | 35-B |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**CHƯƠNG IV. VIỆT NAM TỪ 1954 ĐẾN 1975**

**Bài 21. XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC. ĐẤU TRANH CHỐNG ĐẾ QUỐC MĨ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN Ở MIỀN NAM (1954 – 1965**

**I. Tình hình và nhiệm vụ cách mạng nước ta sau Hiệp định Giơnevơ 1954 về Đông Dương**

***\* Quá trình các bên thi hành Hiệp định:***

- *Về phía ta :* Nghiêm chỉnh thi hành những điều khoản của Hiệp định :

+ Ngày 10/10/1954, quân ta về tiếp quản Thủ đô.

+ Ngày 1/1/1955, Trung ương đảng, Chính phủ, Hồ Chí Minh ra mắt nhân dân về Thủ đô.

- *Về phía Pháp* :

+ Ngày 16/5/1955, toán lính Pháp cuối cùng rút khỏi Cát Bà (Hải Phòng).

+ Giữa tháng 5/1956 Pháp rút toàn bộ quân khỏi miền Nam khi chưa Tổng tuyển cử thống nhất hai miền Nam – Bắc.

*- Mĩ :* Âm mưu thay chân Pháp ở miền Nam, dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, nhằm biến Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mĩ.

***\* Đặc điểm thình hình nước ta sau Hiệp định Giơnevơ***

*- Đất nước ta bị chia cắt làm 2 miền với 2 chế độ chính trị xã hội khác nhau:*

+ Miền Bắc hoàn toàn giải phóng.

+ Miền Nam trở thành thuộc địa kiểu mới của Mĩ.

- *Nhiệm vụ của cách mạng trong thời kì mới:*

+ Hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế, đưa miền Bắc tiến lên CNXH.

+ Tiếp tục cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất đất nước.

**III. Miền Nam chống chế độ Mĩ – Diệm. Giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng, tiến tới “Đồng khởi” (1954 – 1960)**

**2. Phong trào “Đồng khởi” (1959 – 1960)**

***\* Nguyên nhân:***

- Năm 1957 – 1959, cách mạng miền Nam gặp muôn vàn khó khăn, tổn thất.

→ Yêu cầu phải có biện pháp đấu tranh quyết liệt để vượt qua thử thách.

-Tháng 1/1959, Hội nghị Trung Ương lần thứ 15 đã quyết định:

+ Để nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng, đánh đổ chính quyền Mĩ – Diệm.

+ Phương hướng là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng con đường đấu tranh chính trị là chủ yếu, kết hợp với đấu tranh vũ trang.

**\* *Diễn biến*:**

- Bắt đầu bằng những cuộc nổi dậy lẻ tẻ ở Bắc Ái (tháng 2/1959), Trà Bồng (tháng 8/1959), sau đó lan rộng toàn miền Nam trở thành phong trào Đồng Khởi.

- Tiêu biểu nhất là ở Bến Tre. Ngày 17/1/1960, nhân dân 3 xã thuộc huyện Mỏ Cày, Bến Tre đã nổi dậy, sau đó cuộc nổi dậy mau chóng lan ra toàn tỉnh Bến Tre.

- Từ Bến Tre, cuộc nổi dậy phá chính quyền địch, lập chính quyền cách mạng lan nhanh khắp miền Nam.

**\* *Ý nghĩa:***

- Giáng một đòn nặng nề vào chính sách thực dân kiểu mới của Mĩ, làm lung lay tận gốc chính quyền Diệm.

- Đánh dấu bước phát triển của cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

- Từ trong khí thế của phong trào, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời ngày (20/12/1960) nhằm đoàn kết toàn dân chống đế quốc và chính quyền tay sai.

**IV. Miền Bắc xây dựng bước đầu cơ sở vật chất – kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội (1961 – 1965)**

**1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9/ 1960)**

*a. Hoàn cảnh:*

- Giữa lúc cách mạng 2 miền có những bước tiến quan trọng, Đảng Lao động Việt Nam đã tổ chức đại biểu toàn quốc lần thứ III.

- Thời gian: từ 5 đến 10/9/1960, tại Thủ đô Hà Nội.

*b.* *Nội dung:*

**-** Nội dung:

+Đại hội *đề ra nhiệm vụ chiến lược của cách mạng cả nước* và nhiệm vụ của cách mạng từng miền; nêu rõ vị trí, vai trò và mối quan hệ giữa cách mạng hai miền.

+ Cách mạng XHCN ở miền Bắc có vai trò *quyết định nhất* đối với sự phát triển của cách mạng cả nước.

+Cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam có vai trò *quyết định trực tiếp* đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam.

+Cách mạng hai miền có quan hệ mật thiết, gắn bó và tác động lẫn nhau nhằm thực hiện hòa bình, thống nhất đất nước.

Đại hội thông qua Báo cáo chính trị, Báo cáo sửa đổi Điều lệ Đảng và thông qua kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961-1965); bầu Ban chấp hành Trung ương mới.

- Ý nghĩa Đại hội: Nghị quyết của Đại hội là nguồn ánh sáng mới cho toàn Đảng, toàn dân xây dựng thắng lợi CNXH ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện hòa bình, thống nhất nước nhà.

**V. Miền nam chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ (1961-1965)**

**1. Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ ở miền Nam**

***\* Hoàn cảnh ra đời:***

- Từ cuối 1960, hình thức thống trị bằng chính quyền tay sai độc tài Ngô Đình Diệm bị thất bại → Mĩ buộc phải chuyển sang thực hiện chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961-1965).

***\* Âm mưu và thủ đoạn:***

- *Âm mưu:* “Chiến tranh đặc biệt” là hình thức chiến tranh xâm lược thực dân mới, được tiến hành bằng quân đội tay sai, dưới sự chỉ huy của cố vấn Mĩ, dựa vào vũ khí, trang bị, phương tiện chiến tranh của Mĩ **→** Âm mưu dùng người Việt đánh người Việt.

- *Thủ đoạn:* Thực hiện bằng kế hoạch Xtalây – Taylo.

+ Viện trợ quân sự cho Diệm, đưa vào miền Nam cố vấn quân sự, trang bị phương tiện chiến tranh hiện đại.

+ Tăng lực lượng quân đội Sài Gòn.

+ Dồn dân lập ấp chiến lược, kìm kẹp nhân dân, bình định miền Nam.

+ Mở các cuộc hành quân càn quét, tiêu diệt lực lượng cách mạng bằng chiến thuật “trực thăng vận”, “thiết xa vận”.

**2. Miền Nam chiến đấu chống chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của Mĩ**

*a.* *Chủ trương của ta :* Đẩy mạnh đấu tranh chống Mĩ và chính quyền Sài Gòn, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, tấn công địch trên cả 3 vùng chiến lược, phối hợp 3 mũi giáp công.

*b. Thắng lợi:*

*\* Trên mặt trận chống “Bình định”:*

- Diễn ra gay go quyết liệt giữa ta và địch giữa việc lập và phá ấp chiến lược 🡲 Cuối 1962, trên nửa tổng số ấp và 70% dân vẫn do cách mạng kiểm soát.

*\* Trên mặt trận quân sự :*

***-***  Ngày 2- 1- 1963, quân dân miền Nam giành thắng lớn trong trận Ấp Bắc (Mĩ Tho). Chiến thắng này chứng minh quân dân miền Nam hoàn toàn có khả năng đánh bại ***“Chiến tranh đặc biệt”*** của Mĩ, mở ra cao trào “thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công”.

- Đông xuân 1964-1965, ta mở các chiến dịch tấn công địch ở miền Đông Nam bộ với chiến thắng: Bình Giã (Bà Rịa ngày 2/1/1963). Tiếp đó giành tháng lợi ở An Lão, Ba Gia, Đồng Xoài -> Làm phá sản hoàn toàn chiến lược CTĐB của Mĩ.

*\* Trên mặt trận chính trị:* Phong trào đấu tranh của nhân diễn ra sôi nổi ở các đô thị lớn như: Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng. Nổi bật là phong trào của đội quân “Tóc dài”, các tín đồ Phật giáo→ Đẩy nhanh quá trình sụp đổ của chính quyền Ngô Đình Diệm.

+ Ngày 1/11/1963, Đảo chính lật đổ Diệm – Nhu.

**Bài 22. NHÂN DÂN HAI MIỀN TRỰC TIẾP CHIẾN ĐẤU CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC. NHÂN DÂN MIỀN BẮC VỪA CHIẾN ĐẤU VỪA SẢN XUẤT (1965-1973)**

**I. Chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mĩ ở miền Nam (1965-1968)**

**1. Chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mĩ ở miền Nam**

*a. Hoàn cảnh:* Sau thất bại của “Chiến tranh đặc biệt” từ giữa 1965, Mĩ chuyển sang chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam và mở rộng chiến tranh phá hoại MB.

*b. Âm mưu và thủ đoạn:*

*- Âm mưu* : là loại hình chiến tranh xâm lược thực dân mới, được tiến hành bằng lực lượng quân Mĩ, quân một số nước Đồng minh của Mĩ và quân đội Sài Gòn. Mĩ âm mưu nhanh chóng tạo ra ưu thế về binh lực và hỏa lực để áp đảo quân chủ lực của ta, giành lại thế chủ động trên chiến trường, đẩy quân ta trở về phòng ngự, tiến tới kết thúc chiến tranh.

- *Hành động :*

+ Ồ ạt đưa quân Mĩ và Đồng minh vào miền Nam. Quân số lúc cao nhất (1969) lên gần 1,5 triệu, trong đó quân Mĩ hơn nửa triệu.

+ Mở ngay cuộc hành quân “Tìm diệt” vào căn cứ quân ta ở Vạn Tường (Quảng Ngãi).

+ Mở liền hai cuộc phản công chiến lược mùa khô 1965 – 1966 và 1966 – 1967 bằng hàng loạt cuộc hành quân “Tìm diệt” và “Bình định” vào căn cứ kháng chiến.

**2. Chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ”**

***a. Những thắng lợi trên mặt trận quân sự:***

***\* Chiến thắng Vạn Tường***

- Tháng 8/1965, quân ta đã đẩy lùi cuộc hành quân của địch ở thôn Vạn Tường (Quảng Ngãi)...

*- Ý nghĩa :* Chiến thắng Vạn Tường được coi là “Ấp Bắc” đối với quân Mĩ, chứng tỏ nhân dân miền Nam hoàn toàn có thể đánh bại Chiến tranh cục bộ của Mĩ, mở đầu cao trào “Tìm Mĩ mà đánh, lùng ngụy mà diệt” trên khắp miền Nam...

***\* Chiến thắng mùa khô 1965 – 1966 và 1966 – 1967 :***

- Trong mùa khô thứ nhất (1965-1966): quân dân ta đã đẩy lùi nhiều cuộc hành quân của địch vào Đông Nam Bộ và Liên khu V ...

- Trong mùa khô thứ hai (1966-1967): quân dân ta đã đẩy lùi nhiều cuộc hành quân của địch... Lớn nhất là cuộc hành quân đánh vào căn cứ Dương Minh Châu...

***b. Những thắng lợi trên mặt trận chính trị :***

- Phong trào đấu tranh của nhân dân miền Nam chống lập Ấp chiến lược, đòi Mĩ rút về nước phát triển rất mạnh ở cả nông thôn và thành thị. Vùng giải phóng được mở rộng.

**3. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968**

**\* *Ý nghĩa :***

- Làm lung lay ý chí xâm lược của quân Mĩ, buộc Mĩ phải tuyên bố “phi Mĩ hóa” chiến tranh xâm lược (thừa nhận thất bại chiến tranh cục bộ), Mĩ chấm dứt chiến tranh phá hoại miền Bắc và chấp nhận đến đàm phán với ta tại hội nghị Pa-ri.

- Mở ra một bước ngoặt mới của cuộc kháng chiến chống Mĩ.

**II. Miền Bắc vừa sản xuất vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mĩ (1965-1968)**

**1. Mĩ tiến hành chiến tranh bằng không quân, hải quân phá hoại miền Bắc**

***a) Mĩ tiến hành chiến tranh bằng không quân và hải quân phá hoại miền Bắc***

- *Âm mưu:*

+Mĩ tiến hành chiến tranh bằng không quân và hải quân phá hoại miền Bắc nhằm phá hoại tiềm lực kinh tế, quốc phòng, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

+Ngăn chặn nguồn chi viện bên ngoài vào miền Bắc và từ miền Bắc vào miền Nam.

+Uy hiếp tinh thần, làm lung lay ý chí chống Mĩ của nhân dân ta ở hai miền đất nước.

- *Thủ đoạn:*

+Mĩ dựng lên “Sự kiện vịnh Bắc Bộ” (5/5/1964) ném bom bắn phá một số nơi và đến tháng 2/1965 lấy cớ “trả đũa” Quân giải phóng tiến công quân Mĩ ở Plâyku, chính thức gây ra cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất.

+Mĩ đã huy động một lực lượng không quân và hải quân rất lớn, gồm hàng nghìn máy bay F111, B52...và các vũ khí hiện đại khác, đánh vào các mục tiêu quân sự, giao thông, nhà máy, trường học,...những nơi đông dân.

***b) Miền Bắc vừa chiến đấu vừa chống chiến tranh phá hoại, vừa sản xuất và làm nghĩa vụ hậu phương***

- *Thực hiện nghĩa vụ hậu phương lớn*

Trong 4 năm (1965-1968), miền bắc đã đưa hơn 30 vạn cán bộ, bộ đội, hàng vạn tấn vũ khí, lương thực, thuốc men...vào chiến trường miền Nam.

**Vai trò của hậu phương miền Bắc**

+ Hậu phương miền Bắc chính là nơi cung cấp sức người, sức của cho tiền tuyến, là nơi đứng chân của Bộ Chính trị, Chính phủ, lực lượng vũ trang, là nơi tiếp nhận nguồn viện trợ về vũ khí… để chi viện cho miền Nam qua đó đã góp phần quan trọng và quyết định cùng quân dân miền Nam đánh bại các chiến lược chiến tranh của Mĩ…

+ Trong kháng chiến chống Mĩ cứu nước Miền Bắc có lúc cũng chính là tiền tuyến khi trực tiếp chiến đấu và chiến thắng hai lần chiến tranh phá hoại của Mĩ ra miền Bắc…

+ Trong kháng chiến chống Mĩ cứu nước Miền Bắc còn làm nghĩa vụ quốc tế đối với cách mạng Lào và Campuchia…

**III. Chiến đấu chống chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mĩ (1969 – 1973)**

**1. Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mĩ**

*a. Hoàn cảnh:*

- Sau thất bại của “Chiến tranh cục bộ, từ năm 1969 Mĩ chuyển sang chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.

*b. Âm mưu – Thủ đoạn:*

- “Việt Nam hóa chiến tranh” được tiến hành bằng lực lượng quân đội Sài Gòn là chủ yếu, có sự phối hợp về hỏa lực và không quân, hậu cần của Mĩ và vẫn do Mĩ chỉ huy bằng hệ thống cố vấn.

- Giảm xương máu của người Mĩ trên chiến trường, tận dụng xương máu người Việt Nam vì mục đích thực dân mới của Mĩ. Thực chất đó là sự tiếp tục âm mưu “Dùng người Việt đánh người Việt”.

- Quân đội Sài Gòn còn được Mĩ sử dụng như lực lượng xung kích ở Đông Dương trong việc mở rộng xâm lược Campuchia và Lào nhằm làm suy yếu lực lượng của ta.

- Dùng thủ đoạn ngoại giao thỏa hiệp với Trung Quốc, hòa hoãn với Liên Xô, nhằm hạn chế sự giúp đỡ của các nước này đối với nhân dân ta.

**2. Chiến đấu chống chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mĩ**

**a. Trên mặt trận chính trị**:

- Ngày 6/6/1969, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam thành lập được 23 nước công nhận, trong đó có 21 nước đặt quan hệ ngoại giao.

- Ngày 24 và 25/4/1970, Hội nghị cấp cao 3 nước Việt Nam – Lào – Campuchia họp đã biểu thị quyết tâm của nhân dân 3 nước đoàn kết chiến đấu chống Mĩ.

**b. Trên mặt trận quân sự**:

- Từ 30/4 đến 30/6/1970, quân đội Việt Nam phối hợp với quân đội Campuchia đập tan cuộc hành quân xâm lược Campuchia của 10 vạn quân Mĩ và quân đội Sài Gòn.

- Từ 12/2 đến 23/3/1971, quân đội Việt Nam phối hợp với nhân dân Lào đập tan cuộc hành quân “Lam Sơn – 719” của 4,5 vạn quân Mĩ và quân đội Sài Gòn.

- Ở các thành thị, phong trào đấu tranh chính trị của các tầng lớp nhân dân diễn ra sôi nổi.

- Ở nông thôn phong trào phá ấp chiến lược, chống bình định đã góp phần mở rộng vùng giải phóng.

**\* *Ý nghĩa :*** Những thắng lợi trên đây đã làm thay đổi so sánh lực lượng giữa ta và địch theo chiều hướng có lợi cho ta, tạo thời cơ thuận lợi để ta mở cuộc tiến công chiến lược 1972.

**3. Cuộc tiến công chiến lược 1972**

- Ngày 30/3/1972, quân ta mở rộng cuộc tiến công chiến lược với hướng chính là đánh vào Quảng Trị, rồi phát triển rộng khắp miền Nam.

- *Kết quả:* Đến cuối 6/1972, quân ta đã chọc thủng 3 phòng tuyến mạnh nhất của địch là **Quảng Trị, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ**, loại khỏi vòng chiến 20 vạn quân đội Sài Gòn, giải phóng những vùng đất đai rộng lớn và đông dân.

- *Ý nghĩa:* Giáng đòn nặng nề vào chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, buộc Mĩ phải tuyên bố “Mĩ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược.

**IV. Mền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ 2 của Mĩ và làm nghĩa vụ hậu phương (1969 – 1973)**

**1. Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội (đọc thêm)**

**2. Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, vừa sản xuất và làm nghĩa vụ hậu phương**

- Tháng 16/4/1972, Tổng thống Mĩ Ních-xơn chính thức tiến hành chiến tranh bằng không quân và hải quân phá hoại miền Bắc lần thứ 2.

- Từ 18/12 → 29/12/1972, Mĩ tổ chức cuộc tập kích chiến lược bằng B52 vào Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố khác.Nhằm giành thắng lợi quân sự quyết định buộc ta kí một hiệp định có lợi cho Mĩ.

+ Quân dân miền Bắc đã đập tan hoàn toàn cuộc tập kích bằng không quân của Mĩ, làm nên trận “Điện Biên Phủ trên không”. Thắng lợi này buộc Mĩ phải tuyên bố ngừng hẳn các hoạt động chống phá miền Bắc (15/1/1973) và phải kí Hiệp định Pari vầ chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam (27/1/1973).

**V. Hiệp định Paris 1973 về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam**

***\*Nội dung cơ bản của Hiệp định Pari****:*

Hoa Kì và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

Hai bên ngừng bắn ở miền Nam lúc 24 giờ ngày 27 -1 -1973 và Hoa Kì cam kết chấm dứt mọi hoạt động chống phá miền Bắc Việt Nam.

Hoa Kì rút hết quân đội của mình và quân đồng minh , huỷ bỏ các ­căn cứ quân sự Mĩ, cam kết không tiếp tục can thiệp vào nội bộ của miền Nam Việt Nam.

Nhân dân miền Nam tự quyết định tương lai chính trị thông qua tổng tuyển cử tự do, không có sự can thiệp của nước ngoài.

**\* *Ý nghĩa :***

- Hiệp định Pari là thắng lợi của sự kết hợp đấu tranh quân sự – chính trị – ngoại giao, là kết quả cuộc đấu tranh kiên cường bất khuất của nhân dân ta ở hai miền đất nước, mở ra bước ngoặt mới cho cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

- Mĩ buộc phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta, rút hết quân về nước, tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên giải phóng hoàn toàn Miền Nam.

**Bài 23**

**KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC**

**GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM (1973 – 1975)**

**I. Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế – xã hội ra sức chi viện cho miền Nam (đọc thêm)**

**II. Miền Nam đấu tranh chống “Bình định – lấn chiếm”, tạo thế và lực tiến tới giải phóng hoàn toàn**

*\* Cuộc chiến đấu của quân và dân miền Nam*

- Tháng 7/1973: BCH TW Đảng họp Hội nghị lần thứ 21.

+ Tiếp tục cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân bằng con đường cách mạng bạo lực, nắm vững chiến lực tiến công.

+ Đấu tranh trên cả ba mặt trận: quân sự, chính trị, ngoại giao.

*\*Kết quả:*

- 12/12/1974 → 06/01/1975, quân ta đã giành thắng lợi vang dội trong chiến dịch đường 14 – Phước Long.

- Giải phóng đường 14 và tỉnh Phước Long, loại khỏi vòng chiến đấu 3.000 địch.

***\* Ý nghĩa:* Chiến thắng Phước Long chứng tỏ**

- Sự lớn mạnh và khả năng chiến thắng của quân ta.

- Sự suy yếu – bất lực của quân đội Sài Gòn.

- Khả năng can thiệp trở lại của Mĩ rất hạn chế.

**III. Giải phóng hoàn toàn Miền Nam, giành toàn vẹn lãnh thổ tổ quốc**

**1. Chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam**

+ Bộ Chính trị Trung ương Đảng đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam ­trong hai năm 1975 – 1976, nhấn mạnh “nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975”.

**2. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975**

*a. Chiến dịch Tây Nguyên (04/3 – 24/3)*

+ Tây Nguyên là địa bàn chiến lược quan trọng mà ta và địch cố nắm giữ. Nhưng do nhận định sai hướng tiến công của ta, địch chốt giữ ở đây một lực lượng mỏng... Bộ Chính trị quyết định *chọn Tây Nguyên làm hướng tiến công chủ yếu trong năm 1975.*

- Ngày 04/3: Ta đánh nghi binh ở Kon Tum, Plây Cu.

- Ngày 10/3: Ta tiến công Buôn Ma Thuật giành thắng lợi.

- 12/ 3 địch phản công để chiếm lại Buôn Mê Thuột nhưng thất bại.

- Ngày 24/3: ta giải phóng Tây Nguyên rộng lớn với 60 vạn dân.

**\*** *Ý nghĩa* **:** Chuyển cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước sang giai đoạn mới từ tiến công chiến lược phát triển thành tổng tiến công chiến lược.

*b. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng (21/3 – 29/3)*

- Phối hợp với chiến trường Tây Nguyên.

- Ngày 19/3: Ta giải phóng Quảng Trị. Địch co cụm ở Huế.

- 21/3: Ta đánh thắng vào căn cứ của địch, chặn đường rút chạy, bao vây chúng trong thành phố.

- 10 giờ 30’ ngày 25/3: Ta tiến vào cố đô Huế. 26/3 giải phóng Huế và toàn tỉnh Thừa Thiên.

- Ngày 29/3: Giải phóng Đà Nẵng.

- Từ cuối tháng 3 đầu tháng 4, các tỉnh còn lại ven biển miền Trung, Nam Tây Nguyên và một số tỉnh ở Nam Bộ, các đảo biển Miền Trung cũng lần lượt được giải phóng.

*\* Ý nghĩa :*

- Gây tâm lí tuyệt vọng trong Ngụy quyền.

- Đưa cuộc Tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân ta chuyển sang thế mạnh áp đảo.

*c. Chiến dịch Hồ Chí Minh (26/4 – 30/4)*

- Cuối tháng 3/1975, Bộ Chính trị Trung ương Đảng khẳng định *: “Thời cơ chiến lược đã đến, ta có điều kiện hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng miền Nam”.*

- 9/ 4: ta tiến công Xuân Lộc và Phan Rang.

- 17h ngày 26/ 4/ 1975, 5 cánh quân ta tiến vào trung tâm Sài Gòn, đánh chiếm các cơ quan đầu não của địch.

- 10 h 45’ ngày 30/ 4/ 1975, xe tăng của ta tiến vào dinh độc lập bắt sống toàn bộ chính phủ TW Sài Gòn – Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng vô điều kiện. 11h 30’ cờ cách mạng tung bay trên nóc dinh Độc Lập, Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.

- 2/ 5/ 1975, miền Nam hoàn toàn giải phóng

*\* Ý nghĩa:* Chiến dịch Hồ Chí Minh thắng lợi tạo điều kiện thuận lợi để giải phóng hoàn toàn miền Nam và nhân dân Lào – Campuchia giải phóng đất nước.

**IV. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 – 1975)**

***a)Nguyên nhân thắng lợi :***

- Có sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối chính trị, quân sự độc lập, tự chủ, đường lối cách mạng đúng đắn, sáng tạo, phương pháp đấu tranh linh hoạt, kết hợp đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao…

- Nhân dân ta giàu lòng yêu nước, đoàn kết nhất trí, lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm, có hậu phương miền Bắc đáp ứng kịp thời các yêu cầu của cuộc chiến đấu ở hai miền.

- Sự phối hợp chiến đấu và đoàn kết giúp đỡ của ba dân tộc ở Đông Dương; Sự đồng tình ủng hộ, giúp đỡ của các lực lượng cách mạng, hòa bình, dân chủ trên thế giới, nhất là của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa khác.

**\*Trong các nguyên nhân đó** Nguyên nhân quan trọng nhất là do có sự lãnh tài tình sáng suốt của Đảng đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh

**Giải thích**:

+ Đảng đã đề ra đường lối tiến hành đồng thời chiến lược cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam…

+ Đảng đã có chính sách đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế, kết hợp được sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, kết hợp đấu tranh trên cả ba mặt trận là quân sự- chính trị - ngoại giao tạo nên sức mạnh tổng hợp để đánh bại kẻ thù xâm lược…

***b) Ý nghĩa lịch sử :***

*-* Kết thúc 21 năm chiến đấu chống Mĩ và 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc và chế độ phong kiến ở nước ta, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thống nhất đất nước.

- Mở ra một kỉ nguyên mới của lịch sử dân tộc: đất nước độc lập, thống nhất, đi lên CNXH.

- Tác động mạnh đến tình hình nước Mĩ và thế giới, cổ vũ to lớn đối với phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

**CHƯƠNG V: VIỆT NAM TỪ 1975 ĐẾN NĂM 2000**

**Bài 24: VIỆT NAM TRONG NĂM ĐẦU SAU THẮNG LỢI CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN**

**CHỐNG MĨ CỨU NƯỚC 1975**

**I. Tình hình hai miền Nam – Bắc sau 1975**

- Đại thắng mùa xuân 1975🡲 Cuộc kháng chiến chống Mỹ kết thúc thắng lợi – Miền Nam hoàn toàn giải phóng. Tuy nhiên sau chiến tranh tình hình hai miền có những thuận lợi và khó khăn.

**1. Miền Bắc:** Sau 20 năm xây dựng CNXH có những thành tựu lớn nhưng bị cuộc chiến tranh phá hoại của Mĩ tàn phá nặng nề, gây hậu quả nặng nề, gây hậu quả.

**2. Miền Nam:** Hoàn toàn giải phóng, không còn tồn tại nhiều di hại của xã hội cũ

- Chiến tranh tàn phá (ruộng đất bị bỏ hoang, rừng bị chất độc hóa học, bom mìn …)

- Hàng triệu người thất nghiệp, mù chữ.

🡲 Kinh tế miền Nam phát triển mất cân đối, bị lệ thuộc từ viện trợ từ bên ngoài.

**III. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước (1975 – 1976)**

**1.** Hội nghị 24 của ban chấp hành TW Đảng (9/ 1975) đề ra nhiệm vụ thống nhất đất nước về nhà nước “thống nhất … dân tộc Việt Nam”

**2. Quá trình thực hiện thống nhất:**

- Hội nghị hiệp thương chính trị hai miền tại Sài Gòn (15 – 21/ 1/ 1975) nhất trí trong chủ trương thống nhất đất nước.

- 25/ 4/ 1976, Tổng tuyển cử quốc hội trong cả nước.

-24/ 6 – 3/ 7/ 1976 Quốc hội khóa VI của nước Việt Nam thống nhất họp kỳ đầu tiên đã thông qua các chính sách đối nội, đối ngoại của nước ta

- Tên nước: CHXHCN Việt Nam (2/ 7/ 1976)

- Quốc huy, quốc kỳ, quốc ca Việt Nam

- Đổi tên Sài Gòn🡲Thành phố Hồ Chí Minh

- Bầu các cơ quan, chức vụ lãnh đạo cao nhất của nước

- 18/12/1976: Hiến pháp nước CHXNCN Việt Nam được quốc hội thông qua

**Ý nghĩa:**

+ Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước đã phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước.

+ Tạo những điều kiện thuận lợi để cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, những khả năng to lớn để bảo vệ Tổ quốc và mở rộng quan hệ với các nước.

**Bài 25: Việt Nam xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh bảo vệ tổ quốc**

**(1976-1986)**

**II. ĐẤU TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC 1975 – 1979**

**1. Bảo vệ biên giới Tây Nam**

**- N**gay sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, tập đoàn “Khơme đỏ” do Pônpốt cầm đầu xâm phạm lãnh thổ nước ta:

+ Tháng 5/1975, quân Khơme đỏ đánh chiếm Phú Quốc và đảo Thổ Chu.

+ Ngày 22/12/1978, quân Khơme đỏ tấn công nước ta từ Hà Tiên đến Tây Ninh.

⇒ Quân ta phản công, tiêu diệt toàn bộ quân xâm lược.

- Ngày 7/1/1979, quân đội Việt Nam cùng với lực lượng cách mạng Campuchia tiến công, xóa bỏ chế độ diệt chủng Pôn pốt, giải phóng Phnôm Pênh.

**2. Bảo vệ biên giới phía Bắc**

- Hành động thù địch của Trung Quốc:

+ Ủng hộ hành động xâm lược Việt Nam của tập đoàn Pôn pốt.

+ Khiêu khích dọc biên giới phía Bắc, dựng nên sự kiện “nạn kiều”, cắt viện trợ, rút chuyên gia.

+ Tấn công biên giới phía Bắc ngày 17/2/1979 từ Móng Cái đến Phong Thổ (Lai Châu).

⇒ Nhân dân Việt Nam ở 6 tỉnh phía Bắc chiến đấu bảo vệ lãnh thổ, đến ngày 18/3/1979 Trung Quốc rút quân.

**Bài 26: ĐẤT NƯỚC TRÊN CON ĐƯỜNG ĐỔI MỚI ĐI LÊN CNXH (1986 – 2000)**

**I. Đường lối đổi mới đất nước của Đảng**

**1. Hoàn cảnh lịch sử mới**

**a. Hoàn cảnh trong nước:**

- Đất nước lâm vào khủng hoảng nhất là về kinh tế- xã hội.

**b.Hoàn cảnh thế giới:**

Tác động của cách mạng KHKT, trở thành xu thế thế giới.

Cuộc khủng hoảng toàn diện, trầm trọng của Liên Xô và các nước XHCN khác, cũng đòi hỏi Đảng và Nhà nước ta phải tiến hành đổi mới.

**2. Đường lối đổi mới của Đảng**

- Đường lối đổi mới được đề ra từ ĐH Đảng VI (12/ 1986) 🡲 Được bổ sung và điều chỉnh phát triển trong các ĐH VII (6/ 1991) và VIII (6/ 1996), IX (4/ 2001).

- Đổi mới: không phải là thay đổi mục tiêu CNXH mà làm cho mục tiêu ấy thực hiện có hiệu quả bằng những quan niệm đúng đắn về CNXH với những hình thức, biện pháp thích hợp.

- Đổi mới toàn diện và đồng bộ trong đó trọng tâm là đổi mới về kinh tế

**a. Đổi mới về kinh tế:** Xóa bỏ cơ chế quản lý kinh tế tập trung bao cấp, hình thành cơ chế thị trường, phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng XHCN

**b. Đổi mới về chính trị:** Xây dựng nhà nước XHCN của dân – do dân – vì dân xây dựng nền dân chủ XHCN, chính sách đối ngoại hòa bình bợp tác.

**Bài 27. TỔNG KẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NĂM 2000**

**I. Các thời kì phát triển của lịch sử dân tộc**

**1. Giai đoạn 1919 - 1930**: từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến khi Đảng ra đời năm 1930.

- Sau chiến tranh thế giới I, Pháp làm chuyển biến kinh tế - xã hội Việt Nam, tạo điều kiện cho phong trào yêu nước tiếp thu luồng tư tưởng cách mạng vô sản.

- Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc đã làm chuyển biến phong trào yêu nước chống Pháp. Ba tổ chức Cộng sản VN ra đời.

- ĐCS VN ra đời 3/2/30 chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối lãnh đạo phong trào cách mạng Việt Nam.

**2. Giai đoạn 1930 - 1945:** từ sau khi Đảng Cộng sản VN ra đời đến 2/9/1945.

- Tác động của khủng hoảng kinh tế thế giới và “khủng bố trắng“ của Pháp đã làm bùng nổ phong trào cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng.

- Xô Viết Nghệ Tĩnh 1930 –1931. Vận động dân chủ 1936 –1939.

- Cách mạng tháng Tám 1945 thắng lợi là kết quả của quá trình tập dợt trong 10 năm từ khi Đảng ra đời.

**3. Giai đoạn 1945 - 1954**: từ sau cách mạng tháng Tám năm 1945 đến ngày 21/7/1954.

- Sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập, nước ta gặp muôn vàn khó khăn.

- Cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954) tiến hành trong điều kiện đã độc lập và có chính quyền; kháng chiến chống Pháp xâm lược.

- Chiến thắng lịch sử Điện biên phủ 1954, Pháp rút khỏi nước ta

**4. Giai đoạn 1954 - 1975**: từ sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp năm 1954 đến ngày 30-4-1975.

- Nhiệm vụ cách mạng từng miền và nhiệm vụ chung của cả nước là “Kháng chiến chống Mĩ, cứu nước”.

- Miền Nam đấu tranh chính trị phát triển lên “Đồng khởi”, rồi chiến tranh giải phóng.

- Đánh bại chiến lược thống trị và xâm lược thực dân mới của Mĩ đánh bại chiến lược “Chiến tranh đơn phương”; “Chiến tranh đặc biệt”; “Chiến tranh cục bộ”; “Việt Nam hóa chiến tranh”.

- Hiệp định Pari kí kết tạo điều kiện thắng lợi cho ta tiến tới thắng lợi lịch sử 1975.

Miền Bắc: quá độ lên chủ nghĩa xã hội, chống chiến tranh phá hoại của Mĩ, làm nghĩa vụ hậu phương cho miền Nam.

**5. Giai đoạn 1975 - 2000:** từ sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước năm 1975 đến năm 2000.

- Cách mạng Việt Nam chuyển sang thời kỳ Cách mạng xã hội chủ nghĩa.

- Trong 10 năm đầu (1976-1986) đi lên chủ nghĩa xã hội, bên cạnh thành tựu và ưu điểm, cách mạng nước ta gặp không ít khó khăn, yếu kém, sai lầm, khuyết điểm đòi hỏi phải đổi mới.

- Từ Đại Hội VI (12-1986) của Đảng, nước ta bước vào thời kỳ đổi mới, đẩy mạnh sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa tiến lên.

- Đến 2000, đã thực hiện được ba kế hoạch Nhà nước 5 năm.

- Công cuộc đổi mới đã giành thắng lợi, từng bước đưa đất nước ta lên chủ nghĩa xã hội, khẳng định đường lối đổi mới của Đảng là đúng, bước đi của công cuộc đổi mới là phù hợp.

**II. Nguyên nhân thắng lợi, bài học kinh nghiệm**

\* Nguyên nhân thắng lợi

- Nhân dân giàu lòng yêu nước, lao động cần cù sáng tạo, chiến đấu kiên cường, dũng cảm vì độc lập tự do.

- Đảng ta đứng đầu là Bác Hồ, lãnh đạo cách mạng với đường lối đúng đắn, sáng tạo, độc lập, tự chủ, Đảng lãnh đạo là nhân tố quyết định nhất

\* Bài học kinh nghiệm

- Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

- Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do dân và vì dân, nhân dân là người làm nên thắng lợi lịch sử.

- Không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết.

- Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước và sức mạnh quốc tế.

- Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam